



NĂNG LƯỢNG CHO PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2010**

Tháng 7/2011



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

NĂNG LƯỢNG CHO PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

THÁNG 7/2011

MỤC LỤC

- 4-5 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng thành viên
- 6-7 Các mốc lịch sử phát triển
- 8 Hội đồng thành viên
- 9 Ban Tổng Giám đốc
- 10-12 Sơ đồ tổ chức Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 14-15 10 sự kiện nổi bật năm 2010
- 18 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010
- 19 Kế hoạch đầu tư năm 2011
- 20-21 Hợp tác quốc tế của Petrovietnam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập
- 22-25 Hoạt động thăm dò - khai thác
 - Hoạt động tìm kiếm thăm dò
 - Hoạt động khai thác và phát triển mỏ
- 28-29 Công nghiệp Khí
- 30-31 Công nghiệp Điện
- 32-33 Hoạt động chế biến dầu khí
- 34-35 Nghiên cứu khoa học công nghệ
- 36-38 Công tác an toàn, sức khỏe và môi trường
- 39 Công tác an sinh xã hội
- 44-84 Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2010



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Kính thưa Quý vị

Năm 2010, kinh tế - tài chính ở trong nước và thế giới có nhiều biến phức tạp, đã tác động trực tiếp tới các mặt hoạt động của toàn Tập đoàn; song bằng sự nỗ lực, ý chí quyết tâm, tinh thần đoàn kết và sự lao động cần cù, sáng tạo của trên 44.000 Cán bộ, Đảng viên, Công nhân viên trong toàn Tập đoàn, chúng ta đã hoàn thành toàn diện và vượt mức tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2010.

Những thành quả mà Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đạt được trong những năm qua và đặc biệt là trong năm 2010 (năm cuối của kế hoạch 5 năm 2005-2010) được Đảng, Nhà nước, Chính phủ, nhân dân cả nước ghi nhận và đánh giá cao, khẳng định sự đóng góp to lớn của ngành Dầu khí cho đất nước, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. Lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam xin trân trọng cảm ơn sự đóng góp tích cực và có hiệu quả của tất cả các đồng chí và luôn ý thức rằng: những thành tựu mà Tập đoàn đạt được ngày nay mãi mãi thuộc về công lao của các thế hệ những người lao động ngành Dầu khí “những người đi tìm lửa say mê và sáng tạo”.

Bước sang năm 2011, một năm có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, là năm đầu tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam lần thứ nhất, cũng là năm chúng ta tập trung bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm 2011-2015 và kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống ngành Dầu khí Việt Nam; Lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam kêu gọi toàn thể Cán bộ, Đảng viên, Công nhân viên lao động với truyền thống quý báu của những người làm dầu khí, bằng sự nỗ lực, lòng yêu nghề, sự lao động sáng tạo và ý chí quyết tâm, hăng đoàn kết, ra sức thi đua hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ đề ra để thiết thực chào mừng các sự kiện lớn của đất nước và của Tập đoàn diễn ra trong năm 2011, tạo ra thế và lực mới cho sự phát triển của Tập đoàn trong những năm tiếp theo.

Nhân dịp này, Ban Lãnh đạo và toàn thể CBCNV Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam xin cảm ơn sự tin tưởng và hợp tác chặt chẽ của Quý vị đã góp phần vào sự thành công của chúng tôi trong năm 2010 vừa qua. Chúng tôi mong muốn trong năm 2011 và thời gian tới sẽ tiếp tục nhận được sự cộng tác và ủng hộ của Quý vị.

Trân trọng,



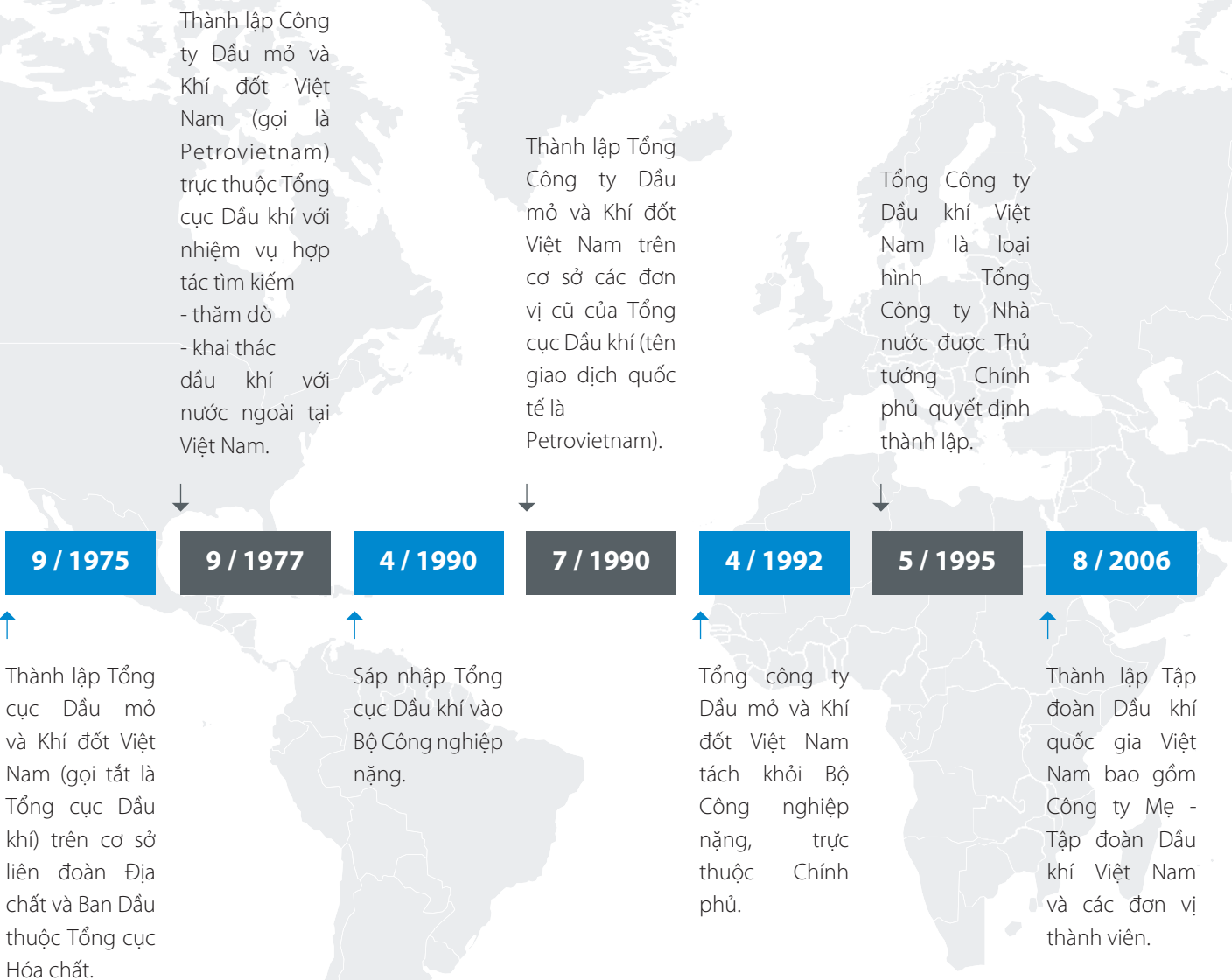
ĐÌNH LA THẮNG

Chủ tịch Hội đồng Thành viên





CÁC MỐC LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Ông Đinh La Thăng
Chủ tịch Hội đồng thành viên



Ông Phùng Đình Thực
Thành viên



Ông Hoàng Xuân Hùng
Phó Chủ tịch



Ông Vũ Khánh Trường
Thành viên



Ông Nguyễn Xuân Thắng
Thành viên



Ông Nguyễn Thanh Liêm
Thành viên



Ông Phan Đình Đức
Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Phùng Đình Thực
Tổng Giám Đốc



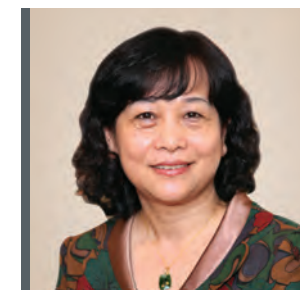
Ông Đỗ Văn Hậu
Phó Tổng Giám Đốc thường trực



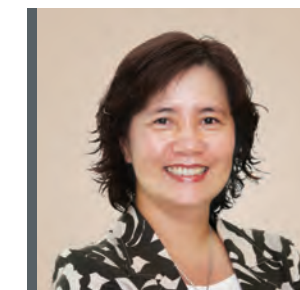
Ông Lê Minh Hồng
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Tiến Dũng
Phó Tổng Giám Đốc



Bà Trần Thị Bình
Phó Tổng Giám Đốc



Bà Phạm Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Vũ Quang Nam
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Quốc Khánh
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Quốc Thập
Phó Tổng Giám Đốc

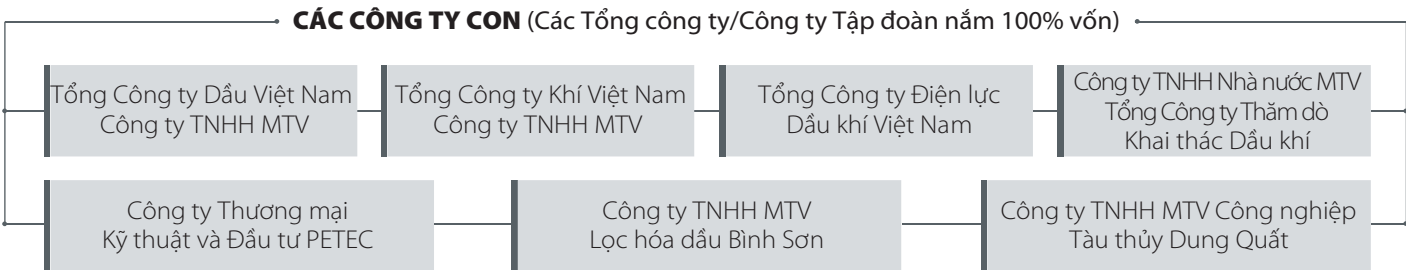
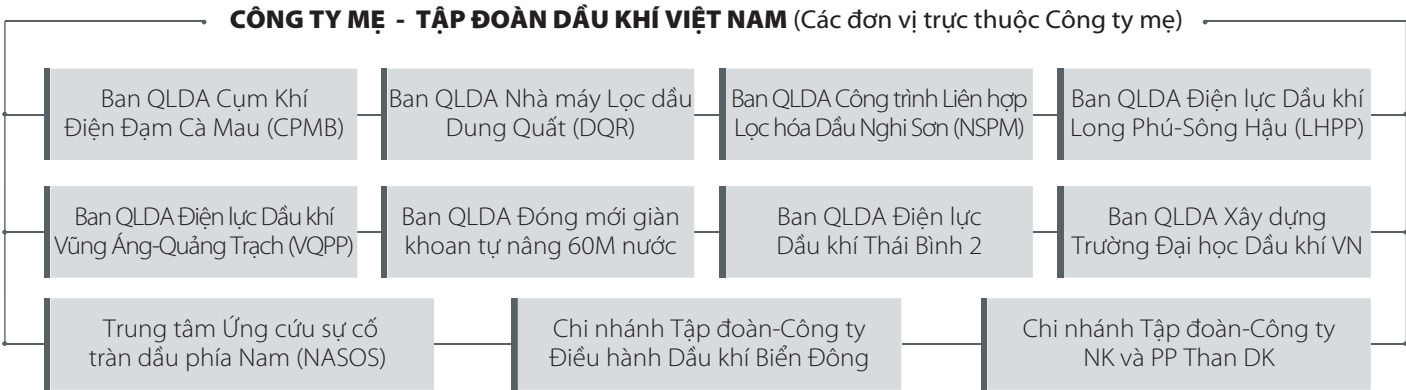
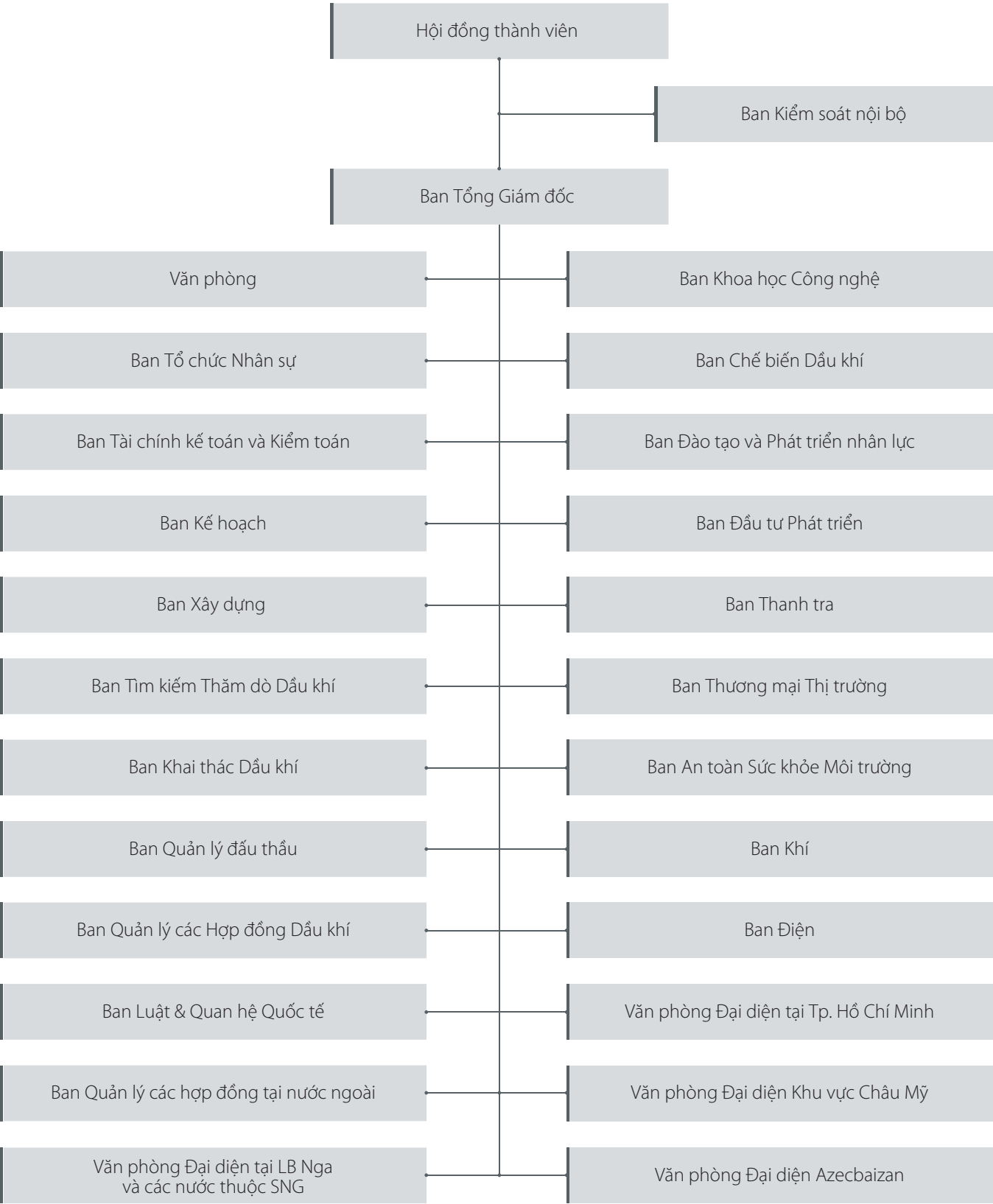


Ông Nguyễn Xuân Sơn
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Sinh Khang
Phó Tổng Giám Đốc

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM



CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

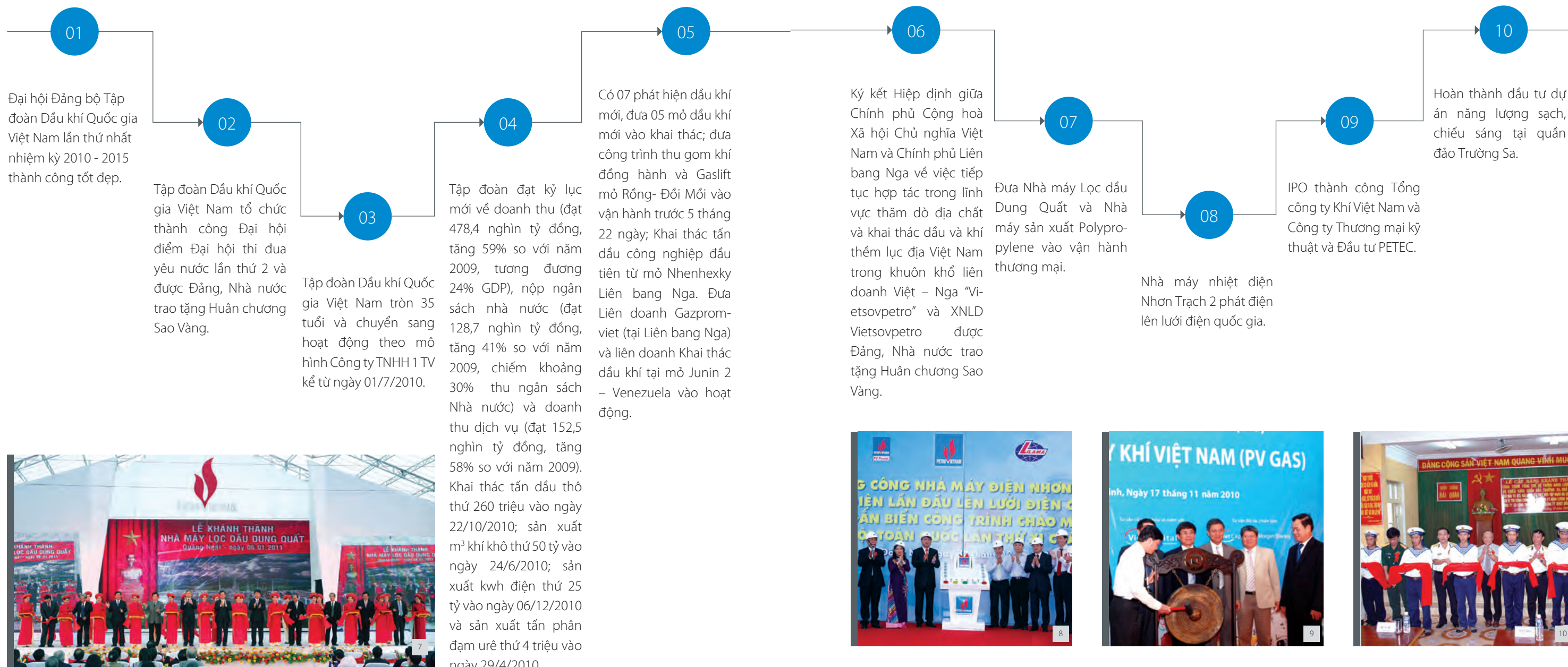
Công ty CP Thương mại Bình Thuận	Công ty CP Đầu tư Dầu khí Mỹ Phúc	Công ty CP đầu tư Khu công nghiệp Hòa Cẩm	Công ty CP Tổng hợp Thương mại Thuận An
Công ty CP Vật tư Xăng dầu	Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	Công ty CP Phát triển Đồng Dương Xanh	Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn
Công ty CP Metroco Sông Hồng	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Công ty CP Bất động sản Dầu khí Việt Nam	Công ty CP Dịch vụ Bảo hiểm Dầu khí	Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí
Công ty CP Bất động sản Tài chính Dầu khí	Công ty CP Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	Công ty CP năng lượng Vinabenny	Công ty CP Phân phối Khí áp thấp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bảo hiểm Dầu khí	Công ty TNHH Vietubes	Công ty CP Điện Việt Lào	Công ty CP Đầu tư Cao Nguyên
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC	Công ty CP Thủy điện Sông Vàng	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Dầu khí	Công ty CP Đầu tư phát triển Gas Đô thị
Công ty CP Vận tải Mekong	Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty CP Thủy điện Sông Tranh 3	Công ty TNHH phụ tùng xe máy - ô tô Machino
Công ty TNHH Fairfield Việt Nam	Công ty Cổ phần Thiết kế Worley Parsons Dầu khí VN	Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí	Công ty CP Thương mại Bình Định
Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	Công ty CP Sơn Dầu khí Việt Nam	Công ty CP Bê tông Dự ứng lực PVC-FECON	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc
Công ty CP Du lịch Cao su Hàm Rồng	Công ty CP Dầu khí FGAS	Công ty TNHH Dịch vụ Dầu Khí DREAM HOUSE	Công ty CP Năng lượng Châu Á Thái Bình Dương
Công ty CP Phát triển Nguồn lực và DV Dầu khí VN	Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Vật liệu EIC	Công ty CP Giải pháp Công nghệ Kiểm tra Không Phá hủy Dầu khí	Công ty CP Khảo sát Kiểm định Công trình Dầu khí VN
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Điện Dầu khí VN	Công ty CP Công nghệ Điều khiển và Tự động hóa Dầu khí VN	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Năng lượng Hàng hải EIC	Công ty CP Dầu khí Sài Gòn Phú Yên
Công ty CP Truyền thông Dầu khí Việt Nam	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	
Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	Công ty TNHH Khách sạn Quốc tế Lào Cai	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Quảng trị	
Công ty CP Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Dầu khí Sông Hồng	Công ty CP Cơ điện Dầu khí Việt Nam	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	

CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH

Công ty Liên doanh RusvietPetro	Công ty TNHH Gazpromviet	Công ty Liên doanh Petromacareo	Công ty TNHH Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby)
Công ty TNHH kho ngầm xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Công ty TNHH Malaysia Vietnam Offshore Terminal	Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu sinh học Phương Đông	Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International
Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I VN	Công ty Liên doanh PetroTower	Công ty Liên doanh Hóa chất LG-VINA	
Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 52	Công ty TNHH Cần Ống Khoan Dầu khí Việt Nam	Công ty TNHH Liên Doanh Dịch Vụ BJ-PV Drilling	
Công ty Liên doanh Du lịch sinh thái và bảo tồn	Công ty TNHH Rỗng Đồi MV12 PTE	Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro	

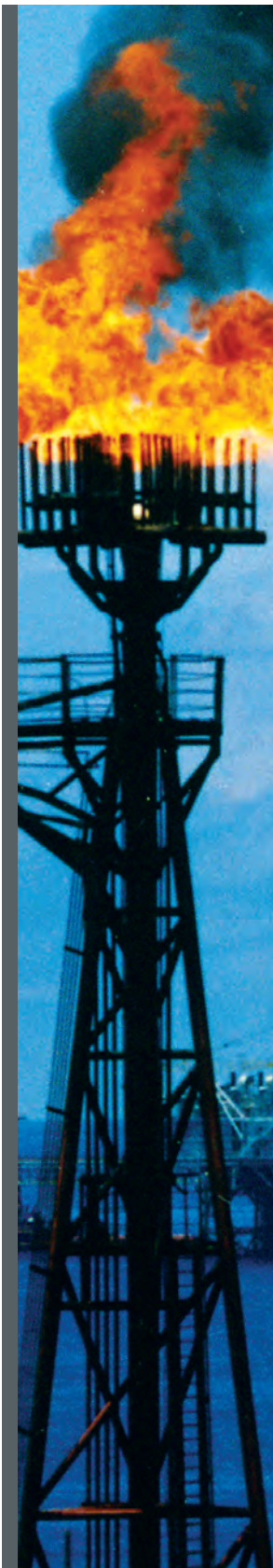


10 SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2010





KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010



Trên cơ sở Quyết định số 2145/QĐ - TTg ngày 23/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch năm 2011 cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; kết quả thực hiện năm 2010 và năng lực hiện nay của Tập đoàn, Tập đoàn đã xây dựng và phân đấu tổ chức thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch năm 2011 của Tập đoàn như sau:

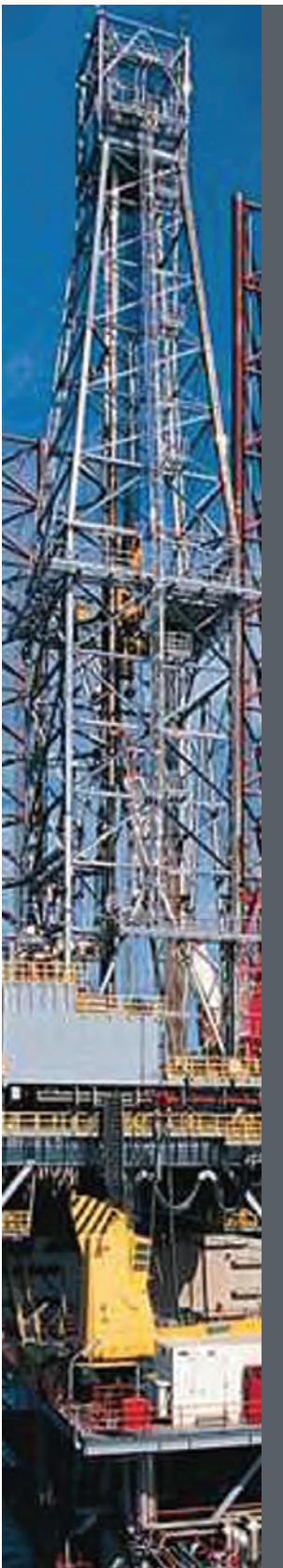
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2011
I	Gia tăng trữ lượng	Triệu tấn quy đổi	30-35
II	Khai thác Dầu khí	Triệu tấn quy đổi	23,20
1	Dầu thô	Triệu tấn	15,00
2	Khí	Tỷ m ³	8,20
III	Sản xuất sản phẩm		
1	Điện	Tỷ Kwh	12,30
2	Đạm	Triệu tấn	0,74
3	Xăng dầu các loại	Triệu tấn	5,60
IV	Doanh thu	Tỷ đồng	500.000
V	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	102.500
VI	Nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	126.912

Ghi chú: Chỉ tiêu tổng doanh thu, nộp ngân sách nhà nước năm 2011 đã tính theo giá dầu Quốc hội thông qua là 77USD/thùng, tỷ giá 1USD= 21.000VNĐ.

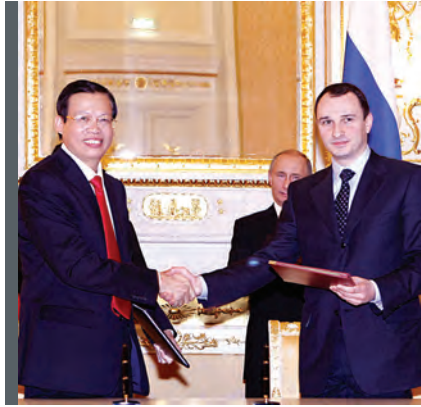
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2011

TT	Lĩnh vực	Giá trị đầu tư năm 2011 (tỷ đồng)
	Tổng cộng	126.912,00
1	Tìm kiếm, thăm dò, khai thác Dầu khí	58.388,10
2	Lọc hóa dầu và khâu sau	21.062,10
3	Công nghiệp Khí	4.957,90
4	Công nghiệp Điện	28.441,10
5	Dịch vụ và hoạt động khác	14.052,80

Trong 126.912 tỷ đồng nhu cầu vốn đầu tư năm 2011, Tập đoàn phải trực tiếp thu xếp là 50,5 nghìn tỷ đồng chiếm 39,55%.



HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA PETROVIETNAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP



Đối với thế giới, ngành công nghiệp dầu khí đã có lịch sử hàng trăm năm và đã hình thành nên các công ty đa quốc gia, các tập đoàn với qui mô vốn lớn, công nghệ cao và phạm vi hoạt động rộng lớn trên toàn cầu. Đối với Việt Nam, ngành Dầu khí tuy đã bước sang tuổi 50 nhưng vẫn còn rất non trẻ, muốn phát triển nhanh phải tăng tốc, hợp tác sâu rộng, đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế nhằm học hỏi kinh nghiệm của bạn bè thế giới đi trước để ngành Dầu khí Việt Nam có những bước đi nhanh hơn và vững chắc hơn trong tương lai.

Ý thức được điều này, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, ngành dầu khí của chúng ta đã phát huy được sức mạnh của các mối quan hệ quốc tế để xây dựng ngành dầu khí luôn luôn phát triển ổn định và bền vững. Liên doanh Dầu khí Việt-Xô (Vietsovpetro) ra đời năm 1981 là một biểu hiện rõ nét nhất của quan hệ hợp tác quốc tế đặc biệt giữa Việt Nam và Liên Xô trước đây và Liên bang Nga ngày nay. Trải qua hơn 35 năm xây dựng và phát triển, ngành dầu khí đã lớn mạnh và trưởng thành từ phạm vi hoạt động ban đầu là tìm kiếm thăm dò khai thác dầu khí tại thềm lục địa Việt Nam đến nay đã xây dựng và vận hành nhà máy lọc hóa dầu, tạo nên ngành công nghiệp dầu khí hoàn chỉnh và đồng bộ, đồng thời mở rộng ra quốc tế và sang các lĩnh vực hoạt động khác như điện đạm, xây lắp, tài chính, bảo hiểm, kinh doanh xăng dầu... nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh của đất nước. Có thể nói mọi công trình, hoạt động dầu khí, dù ở bất cứ nơi đâu đều mang dấu ấn của hợp tác quốc tế và trên thực tế thương hiệu “PETROVIETNAM” đã được công nhận rộng rãi trên khắp thế giới.

Những năm qua, công tác đầu tư vào lĩnh vực tìm kiếm, thăm

dò dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam) được đặc biệt quan tâm và chú trọng nhằm không ngừng gia tăng trữ lượng và bảo đảm mục tiêu lâu dài là phát triển ổn định và bền vững. Hoạt động thăm dò, tìm kiếm trong nước của Petrovietnam từng bước được mở rộng, từ khu vực nước nông vươn ra vùng nước sâu, xa bờ, đồng thời, đẩy mạnh thực hiện chiến lược đầu tư ra nước ngoài để cùng hợp tác khai thác tài nguyên ở các khu vực có tiềm năng và triển vọng cao. Hướng đi mới thể hiện tinh thần phát huy nội lực, phát triển toàn diện các thế mạnh của Petrovietnam. Quá trình phát triển, vươn ra thâm nhập thị trường dầu mỏ thế giới đã mang lại những kết quả đáng ghi nhận. Đến nay, Petrovietnam đã có hơn 85 hợp đồng dầu khí được ký kết với các công ty dầu khí của các nước đến từ châu Mỹ, châu Âu, châu Á, châu Phi và Trung Đông..., trong đó 60 hợp đồng hiện đang còn hiệu lực. Riêng năm 2009, Petrovietnam đã ký 14 hợp đồng dầu khí mới. Đây là một kỷ lục và được xem là giai đoạn gặt hái được nhiều thành công trong việc thu hút, mở rộng đầu tư tìm kiếm, thăm dò gia tăng trữ lượng dầu khí của Petrovietnam. Với năng lực ngày càng lớn mạnh của Petrovietnam cùng sự hỗ trợ hiệu quả của Chính phủ, đặc biệt thông qua kênh ngoại giao, nhiều bạn bè quốc tế đã tăng cường hợp tác Petrovietnam để cùng tham gia triển khai nhiều hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí ở các nước như Liên bang Nga, các quốc gia SNG, châu Mỹ la tinh, Trung Đông, châu Phi và Đông - Nam Á. Trong năm 2011 và các năm tiếp theo, một số mỏ dầu và khí mới sẽ được Petrovietnam đưa vào khai thác, đồng thời tăng cường tìm kiếm nguồn dầu thô ở nước ngoài sẽ gia tăng trữ lượng của Petrovietnam. Hiện nay, Tập đoàn đang tích cực tập trung đầu tư phát hiện dầu khí có khả năng khai thác công nghiệp ở cả trong nước và nước ngoài, nhằm sớm đưa các mỏ vào khai

thác, đem lại nguồn thu và đóng góp vào ngân sách quốc gia.

Đối với lĩnh vực công nghiệp khí, Petrovietnam và các đối tác nước ngoài đầu tư xây dựng các hệ thống đường ống dẫn khí Rạng Đông - Bạch Hổ, Nam Côn Sơn - Phú Mỹ - Nhơn Trạch và PM3 - Cà Mau vận chuyển khí từ các mỏ ngoài khơi vào các trung tâm công nghiệp lớn như Vũng Tàu, Bà Rịa, Phú Mỹ, Nhơn Trạch, Cà Mau... Tập đoàn đang đầu tư đường ống dẫn khí lô B - Ô Môn, tiến tới đầu nối các tuyến đường ống dẫn khí ở khu vực Đông và Tây Nam Bộ, hình thành hệ thống mạng đường ống khí hoàn chỉnh ở khu vực phía Nam nhằm chủ động điều chỉnh cân đối cung cầu khí cho các hộ tiêu thụ. Về dài hạn, Petrovietnam sẽ tham gia dự án hệ thống đường ống khí kết nối giữa các nước khu vực ASEAN và xây dựng các trạm nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) và các sản phẩm khí khác nhằm bảo đảm nguồn khí ổn định lâu dài, phục vụ sản xuất điện, đạm và các sản phẩm khác cho đất nước.

Đối với khâu thăm dò khai thác dầu khí, Quốc hội đã ban hành Luật Dầu khí năm 1993, bổ sung sửa đổi năm 2000 và năm 2008. Chính phủ cũng đã ban hành các Nghị định hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Dầu khí và một số văn bản pháp luật có liên quan. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đó cùng với chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước đã có tác dụng quan trọng trong việc thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực dầu khí, góp phần đẩy nhanh tốc độ tìm kiếm thăm dò dầu khí, gia tăng trữ lượng, phát hiện ra nhiều mỏ mới, tạo tiền đề vững chắc cho việc khai thác dầu khí ổn định, bền vững cho các năm sau, tăng nguồn thu ngân sách Nhà nước, đồng thời mở ra hướng phát triển cho hàng loạt lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ khác từ chế biến dầu khí, kinh doanh các sản phẩm xăng dầu đến đóng tàu, xây dựng cảng, dịch vụ kỹ thuật chuyên ngành dầu khí, điện lực, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, an toàn môi trường và đào tạo nhân lực...

Với việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) từ năm 2007, các doanh nghiệp của Việt Nam có cơ hội và điều kiện hội nhập quốc tế cao hơn, sản phẩm của các doanh nghiệp Việt Nam đã thâm nhập vào nhiều thị trường lớn trên thế giới, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã bước đầu cạnh tranh với các công ty trên khắp thế giới, bên cạnh đó nhiều quốc gia, nhiều công ty nước ngoài ở các lĩnh vực khác nhau cũng đã đến Việt Nam tìm cơ hội hợp tác kinh doanh, Petrovietnam cũng không phải là ngoại lệ. Không chỉ hoạt động hợp tác về dầu khí trong nước, Petrovietnam đã có nhiều

dự án hợp tác đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí, có thể kể đến các dự án đã và đang triển khai ở Algeria, Campuchia, Malaysia, Myanmar, Liên bang Nga, Peru, Tunisia, Venezuela... Bên cạnh các hợp đồng thăm dò khai thác dầu khí ở nước ngoài, hợp tác quốc tế của Petrovietnam trong các lĩnh vực khác đã có các tín hiệu khả quan. Chúng ta đã có các hợp đồng kinh doanh dầu thô và sản phẩm dầu khí ở nước ngoài, các dự án xây dựng nhà máy thủy điện và khai khoáng tại Lào, dự án Amoniac ở nước Cộng hòa Kalmuckia thuộc Liên bang Nga... sẽ góp phần đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm trong nước và phục vụ cho xuất khẩu.

Ngoài ra, Petrovietnam hiện đã tham gia vào nhiều tổ chức năng lượng mang tầm quốc tế trong khu vực và trên thế giới với vai trò là thành viên tích cực như: Hiệp hội Khí thế giới (IGU), Hội đồng Dầu khí khu vực ASEAN (ASCOPE), Triển lãm về ngành Công nghiệp khí Châu Á (GASEX), Hội đồng Dầu khí Thế giới (WPC)... và đã tích cực tham gia vào dự án đường ống dẫn khí xuyên các nước ASEAN và tăng cường mở rộng hợp tác với các đối tác thuộc khu vực châu Phi, Trung Đông và châu Mỹ La tinh bằng việc ký kết các Bản Ghi nhớ (MOU) với các Công ty Dầu khí Quốc gia của các nước có tiềm năng lớn về dầu khí như Ảng-gô-la, Mô-dăm-bích, Xu đăng, Ô-man, UAE, Cô-ôét, Nicaragua, Bolivia, Ecuador... để tiến tới ký kết các hợp đồng cụ thể trong lĩnh vực thăm dò, khai thác dầu khí nhằm đa dạng hóa nguồn nhập khẩu dầu thô, khí hóa lỏng LNG... để phục vụ nhu cầu năng lượng ngày càng cao của đất nước.

Nói tóm lại, quan hệ quốc tế trong lĩnh vực dầu khí không đơn thuần là quan hệ cấp công ty, doanh nghiệp mà ngành dầu khí còn được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm thông qua chủ trương vận dụng quan hệ ngoại giao với các nước để hỗ trợ cho ngành dầu khí trên bước đường phát triển, hội nhập và đầu tư ra nước ngoài trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế gay gắt. Ý thức được nhiệm vụ quan trọng này, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng như các đơn vị thành viên của Tập đoàn đã tích cực vươn ra với thế giới để mở rộng quan hệ quốc tế của ngành, chủ động tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư ở nước ngoài trong tất cả các lĩnh vực với nhiều mục tiêu đa dạng trong đó có việc khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế nói chung và quảng bá thương hiệu Petrovietnam nói riêng, góp phần tạo nên một bức tranh đậm nét, sinh động trong quan hệ quốc tế của ngành Dầu khí Việt Nam trên con đường hội nhập, đổi mới và phát triển bền vững của đất nước.

HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ - KHAI THÁC

Với mục tiêu gia tăng trữ lượng dầu khí, phát hiện thêm nhiều mỏ dầu khí mới nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) đã triển khai và thực hiện có hiệu quả hoạt động thăm dò - khai thác dầu khí cả ở trong nước và nước ngoài, thông qua các hợp đồng PSC, JOC, hợp đồng điều hành chung, hoạt động tự đầu tư, tự điều hành tìm kiếm thăm dò, có nhiều phát hiện dầu khí quan trọng, đưa nhanh các mỏ đã phát hiện vào khai thác và áp dụng các công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao sản lượng, tăng hệ số thu hồi dầu khí, bảo vệ tài nguyên môi trường.

HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM THĂM DÒ

Tính đến tháng 12 năm 2010, Petrovietnam đã có 85 hợp đồng được ký, hiện tại đã có 60 hợp đồng đang có hiệu lực. Riêng trong năm 2010 đã ký được 06 hợp đồng dầu khí mới tại các Lô 105-110/04 (Neon Energy), Lô 04-2 (Pearl Oil), Lô 51 (Mitra/Kufpec/PVEP), Lô 46/07 (Mitra/PVEP), Lô 01&02/10 (PVEP), Lô 09-2 (PVEP).

Các hợp đồng Dầu khí được phân bố theo bể trầm tích gồm:

- Bể Sông Hồng: 13 Hợp đồng
- Bể Phú Khánh: 05 Hợp đồng
- Bể Tư Chính-Vũng Mây: 02 Hợp đồng
- Bể Nam Côn Sơn: 15 Hợp đồng
- Bể Cửu Long: 18 Hợp đồng
- Bể Mã Lay-Thổ Chu: 07 Hợp đồng

Trong năm 2010, Petrovietnam đã tiến hành khảo sát, thu nổ được trên 26,900 km tuyến địa chấn 2D và trên 5,800 km² địa chấn 3D theo các hợp đồng dầu khí và công tác điều tra cơ bản, nhằm phục vụ công tác tìm kiếm thăm dò, đánh giá tiềm năng trữ lượng của các cấu tạo. Về công tác khoan thăm dò-thăm lượng. Trong năm 2010, Petrovietnam đã tiến hành khoan 68 giếng khoan tìm kiếm, thăm dò, thăm lượng và khai thác, trong đó có 15 giếng khoan thăm dò, 8 giếng khoan thăm lượng, 5 giếng khoan thăm dò khí than, 40 giếng khoan khai thác và bơm ép. Với tổng số trên 229.000m khoan với chi phí khoảng 1,458 tỷ USD. Từ kết quả khoan thăm dò-thăm lượng trên, trong năm 2010 đã có các phát hiện dầu khí quan trọng tại các giếng khoan DN-1X (Lô 15-1/05, Phuquy POC), LDV-1XST (Lô 15-1/05, Phuquy POC), KNT-1X (Lô 09-2/09, HonglongPOC), HMX-1X (Lô 16-2, PQPOC), DN-1X (Lô 05-1b&c, Idemitsu) và nhiều giếng khoan khác đạt kết quả tốt với tổng trữ lượng gia tăng trong năm 2010 là 43 triệu tấn thu hồi, đảm

bảo mục tiêu gia tăng trữ lượng đạt mức 150 -180 triệu tấn dầu quy đổi cho cả giai đoạn 2006 – 2010.

Về hoạt động tìm kiếm thăm dò – khai thác dầu khí ở nước ngoài: Triển khai nhiệm vụ trong Quyết định số 386/QĐ-TTg ngày 9/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ về định hướng và mục tiêu cơ bản của chiến lược đầu tư ra nước ngoài. Năm 2010 Petrovietnam đã ký được 02 hợp đồng dầu khí mới tại Uzbekistan (Lô Kossor), Venezuela (Lô Junin 2), nâng tổng số các dự án đã và đang triển khai thực hiện là 18 dự án thăm dò khai thác tại 15 Quốc gia và vùng lãnh thổ. Các dự án tập trung chủ yếu tại những khu vực có tiềm năng dầu khí như Liên bang Nga, các nước SNG, Trung Đông, Bắc & Trung Phi, Mỹ La tinh và các nước Đông Nam Á. Cụ thể:

- 16 dự án đang thực hiện đầu tư trong đó:
 - 02 dự án khai thác tại Malaysia (Lô SK305, Lô PM-304)
 - 03 dự án phát triển mỏ ở LB Nga, Algieria và Venezuela
 - 11 dự án thăm dò tại các nước Peru, Lào, Indonesia, Myanmar, Campuchia, Madagascar, Congo, Uzbekistan và Cuba (ngoài khơi)

Nhìn chung trong năm 2010, hoạt động thăm dò khai thác dầu khí được triển khai tích cực ở cả trong nước và nước ngoài, công tác tìm kiếm thăm dò và khai thác có thêm nhiều phát hiện dầu khí mới. Công tác kêu gọi thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam được đẩy mạnh đáng kể, đã ký được nhiều hợp đồng dầu khí mới tại một số khu vực nước sâu, xa bờ. Đối với các mục tiêu chiến lược đầu tư ra nước ngoài, Petrovietnam đã đạt được những thành tựu khả quan đóng góp vào việc gia tăng trữ lượng và sản lượng khai thác nhằm đảm bảo được an ninh năng lượng cũng như từng bước khẳng định được vị thế của Petrovietnam trong khu vực và quốc tế.



HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ - KHAI THÁC

Trong năm 2010, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã triển khai công tác khai thác các mỏ dầu khí trên đất liền và trên thềm lục địa Việt Nam cũng như các mỏ tại nước ngoài, cụ thể:

HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC VÀ PHÁT TRIỂN MỎ

Trong nước

Các mỏ trong nước đang khai thác trong năm 2010 gồm: mỏ Bạch Hổ và mỏ Rồng (lô 09-1), mỏ Sư Tử Đen và mỏ Sư Tử Vàng (lô 15-1); mỏ Cá Ngừ Vàng (lô 09-2); mỏ Rạng Đông và mỏ Phương Đông (lô 15-2); mỏ Sông Đốc (lô 46/02); các mỏ tại lô hợp đồng PM3 CAA và 46 CN; mỏ Ruby, mỏ Pearl và mỏ Topaz (lô 01&02); mỏ Đại Hùng (lô 05-1a); mỏ Nam Rồng – Đồi Mồi (lô 09-1 và 09-3); mỏ Rồng Đồi & Rồng Đồi Tây (lô 11-2); mỏ Lan Tây (lô 06-1); các mỏ tại khu vực miền vông Hà Nội.

Năm 2010, Tập đoàn đã chỉ đạo điều hành công tác khoan hàng chục ngàn mét giếng khoan, vận hành hàng chục giàn khai thác dầu, khai thác khí, nhiều giàn xử lý trung tâm, nhiều tàu FPSO, FSO, vận chuyển trên 9 tỷ m³ khí về bờ an toàn, hiệu quả.

Nước ngoài

Tập đoàn đã có dòng dầu đầu tiên khai thác từ mỏ D30, lô SK-305 tại Malaysia (ngày 21/6/2010) với sản lượng ban đầu khoảng 2.000 – 2.500 thùng/ngày và tiếp theo đó là có dòng dầu đầu tiên khai thác từ mỏ Khosedaiu, lô Nhenhetxki tại Liên bang Nga (ngày 30/9/2010) với sản lượng ban đầu khoảng 20.000 – 22.000 thùng/ngày. Như vậy năm 2010, các mỏ khai thác ở nước ngoài gồm: mỏ Cendor (lô PM 304 – Malaysia); mỏ D30 (lô SK305 – Malaysia); các mỏ thuộc vùng Nhenhetxky (Nga).

Để có được những dấu ấn quan trọng trong khai thác phát triển dầu khí ở nước ngoài, trong năm 2010 vừa qua Tập đoàn đã tập trung thực hiện 21 giếng khoan phát triển khai thác, hoàn thành các công tác phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt thiết bị, kho tàng, đường ống, ... và đặc biệt hoàn thành khối lượng công việc khổng lồ để lắp đặt đường ống ngoại mỏ Nhenhetxki trong điều kiện thời tiết vô cùng khắc nghiệt của vùng Bắc cực với thời gian kỷ lục, góp phần quyết định đưa mỏ Khosedaiu lô Nhenhetxky vào khai thác đúng tiến độ.

Năm 2010, tổng sản lượng khai thác quy dầu đạt 24,4 triệu

tấn, trong đó sản lượng dầu thô đạt 15,0 triệu tấn, đạt 100% kế hoạch năm; sản lượng khí đưa về bờ đạt 9,4 tỷ m³, bằng 117,5% kế hoạch năm. Tuy các mỏ ở nước ngoài không đạt kế hoạch sản lượng đề ra do một số nguyên nhân như: chậm tiến độ đưa mỏ vào khai thác (SK305 và Nhenhetxky), các giếng khoan phát triển không đạt sản lượng như mong đợi (SK305) nhưng các mỏ, các đối tượng khai thác ở trong nước được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo khai thác an toàn, hiệu quả, hoàn thành và vượt mức kế hoạch khai thác. Đặc biệt mỏ Bạch Hổ và Rồng đạt 103,26% kế hoạch, mỏ Rạng Đông và Phương Đông đạt 111,32% kế hoạch, mỏ Cá Ngừ Vàng đạt 122,73% kế hoạch, mỏ Đại Hùng đạt 142,24% kế hoạch, mỏ Lan Tây đạt 132,56% kế hoạch khí, mỏ Rồng Đồi – Rồng Đồi Tây đạt 119,75% kế hoạch khí.

Hoạt động phát triển mỏ

Năm 2010 Tập đoàn đã đưa 10 mỏ/công trình mới vào khai thác, bao gồm:

Trong nước: 8 mỏ/công trình.

- Đưa mỏ Nam Rồng – Đồi Mồi vào khai thác thương mại (28/01/2010)
- Đưa giàn đầu giếng Sư Tử Đen Đông Bắc vào khai thác (30/4/2010)
- Đưa mỏ Pearl vào khai thác (7/8/2010)
- Đưa mỏ Topaz vào khai thác (1/11/2010)
- Đưa công trình BK-15 mỏ Bạch Hổ vào khai thác (9/2010)
- Đưa công trình BK-14 mỏ Bạch Hổ vào khai thác (10/2010)
- Đưa công trình BK-9 mỏ Bạch Hổ vào khai thác (15/10/2010)
- Đưa công trình RC1-RC3 mỏ Rồng vào khai thác (25/1/2011)

Nước ngoài

- Đưa mỏ D30, lô SK305, Malaysia vào khai thác (22/6/2010)
- Đưa mỏ Bắc Khosedaiu (Nhenhetxky), Liên bang Nga vào khai thác (9/2010)

Công tác phát triển mỏ trong nước đã bám sát tiến độ đề ra với tất cả các công trình đều được thực hiện bởi các nhà thầu

Việt Nam, đảm bảo yêu cầu chất lượng, góp phần quan trọng trong việc hoàn thành kế hoạch sản lượng năm 2010 và các năm tiếp theo. Các nhà thầu trong nước như Vietsovpetro, PTSC... đã có nhiều tiến bộ, làm chủ nhiều công nghệ quan trọng như chế tạo, vận chuyển, lắp đặt giàn khai thác...

Hoạt động khai thác và phát triển mỏ ở nước ngoài năm 2010

của Tập đoàn có những bước tiến vượt bậc. Tập đoàn ký được hợp đồng thành lập Công ty liên doanh khai thác và nâng cấp dầu nặng tại Venezuela (mỏ Junin-2) đưa tổng số các mỏ đang phát triển và khai thác ở nước ngoài của Tập đoàn lên 6 dự án. Dự án phát triển mỏ Junin -2 tại Venezuela là dự án phát triển khai thác dầu khí khổng lồ với trữ lượng dầu khí rất lớn, khai thác trong vòng 25 năm và có thể được gia hạn thêm.







Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam) đã và đang triển khai hàng loạt các dự án khí với quy mô lớn nhằm không những đáp ứng nhu cầu khí cho điện mà còn đáp ứng các nhu cầu khí cho công nghiệp hóa chất, phân bón, giao thông vận tải, các hộ công nghiệp và sinh hoạt dân dụng. Năm 2010, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã sản xuất và cung cấp khoảng 9,4 tỷ m³ khí khô.

I CÁC DỰ ÁN ĐANG TRONG GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH

1 Hệ thống đường ống dẫn khí bể Cừu Long

Hệ thống đường ống dẫn khí bể Cừu Long hay còn gọi là hệ thống khí Rạng Đông-Bạch Hổ có nhiệm vụ vận chuyển khí đồng hành từ các mỏ thuộc bể Cừu Long để cung cấp cho các hộ tiêu thụ Điện, Đạm, Công nghiệp thuộc khu vực Đồng Nam Bộ. Hệ thống này được đưa vào vận hành từ 05/1995, với công suất 2 tỷ m³ khí/năm, hiện đang cung cấp khoảng 1,1 tỷ m³ khí/năm cho các hộ tiêu thụ.

2 Hệ thống đường ống Nam Côn Sơn

Được đưa vào vận hành từ tháng 1/2003 với công suất thiết kế 7 tỷ m³ khí/năm. Hệ thống bao gồm: khoảng 360km đường ống biển, gần 40 km đường ống trên bờ, trạm tiếp nhận và xử lý khí Dinh Cố và trạm phân phối khí Phú Mỹ. Hệ thống khí Nam Côn Sơn hiện đang vận chuyển và xử lý khí từ lô 06.1 và 11.2 để cung cấp cho các nhà máy điện và các hộ tiêu thụ tại khu vực Phú Mỹ.

3 Hệ thống đường ống Phú Mỹ - Nhơn Trạch

Công suất 2 tỷ m³ khí/năm được hoàn thành và đưa vào vận hành từ năm 2008, với tổng chiều dài 40km có nhiệm vụ vận chuyển và cung cấp khí cho các nhà máy điện tại Thủ Đức, Nhơn Trạch, Hiệp Phước và các hộ tiêu thụ dọc tuyến ống.

4 Hệ thống đường ống dẫn khí PM3 CAA - Cà Mau

Được đưa vào vận hành từ tháng 5/2007 với công suất thiết kế

2 tỷ m³ khí/năm. Hệ thống bao gồm 298 km đường ống biển và 27 km đường ống trên bờ cùng hệ thống trạm tiếp nhận và phân phối khí. Hệ thống được xây dựng để vận chuyển khí từ các mỏ thuộc khu vực chống lán giữa Việt Nam – Malaysia để cung cấp cho cụm Khí – Điện – Đạm Cà Mau.

II CÁC DỰ ÁN ĐANG TRONG GIAI ĐOẠN TRIỂN KHAI

1 Hệ thống đường ống khí Lô B - Ô Môn

Dự án đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn với công suất vận chuyển tối đa khoảng 6,4 tỷ m³ khí/năm, đang được triển khai xây dựng để vận chuyển khí từ Lô B, 48/95 và 52/97 về cung cấp cho các hộ tiêu thụ tại Cà Mau và Ô Môn. Hệ thống đường ống có chiều dài 406 km, trong đó bao gồm 246 km biển, 160 km trên bờ. Dự kiến dự án sẽ hoàn thành vào Quý 4 năm 2014.

2 Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2

Dự án đường ống Nam Côn Sơn 2 đang được triển khai xây dựng nhằm vận chuyển khí từ lô 05-2/3, mỏ Thiên Ứng – Mãng Cầu thuộc lô 04-3 và các mỏ tiềm năng khác nằm trong khu vực lân cận, có tính đến khả năng dự phòng cho nhập khẩu khí bằng đường ống. Dự kiến dự án sẽ hoàn thành vào quý 3 năm 2013.

3 Dự án nhập khẩu khí

Với mục tiêu đảm bảo lượng khí đang cung cấp cho các hộ tiêu thụ, Petrovietnam hiện đang triển khai dự án Kho chứa và cảng nhập LNG.





Thực hiện chiến lược phát triển ngành Dầu khí đã được Bộ Chính trị thông qua và Chính phủ phê duyệt, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam) đã mạnh dạn đầu tư vào nhiều dự án nhà máy điện, phần đầu đến năm 2015, sản lượng điện của các nhà máy điện do Petrovietnam làm chủ đầu tư sẽ chiếm khoảng 20% tổng sản lượng điện của cả nước và đến năm 2025 là 25-30%, tạo điều kiện cho sự phát triển của ngành Dầu khí Việt Nam và góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

Nhà máy điện đã vận hành	Công suất	Kế hoạch 2011
Cà Mau 1	750 MW	4,3 Tỷ kWh
Cà Mau 2	750 MW	4,0 Tỷ kWh
Nhơn Trạch 1	450 MW	2,7 Tỷ kWh
Nhơn Trạch 2	750 MW	1,5 Tỷ kWh

Không chỉ phát triển mạnh mẽ các nguồn điện chạy khí, Petrovietnam còn đầu tư vào các nhà máy nhiệt điện than. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là doanh nghiệp đầu tiên làm chủ đầu tư các nhà máy nhiệt điện than có quy mô công suất lớn nhất Việt Nam. Trong các năm từ 2009 đến 2011, Tập đoàn đã khởi công các dự án nhiệt điện than Vũng Áng 1 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, Long Phú 1 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Thái Bình 2 tại tỉnh Thái Bình với công suất mỗi nhà máy 1200 MW. Ngoài ra, 02 dự án nhà máy nhiệt điện than khác Quảng Trạch 1, tỉnh Quảng Bình và Sông Hậu 1, tỉnh Hậu Giang, công suất 1200 MW cũng đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Mỗi nhà máy khi đi vào vận hành sẽ cung cấp khoảng 7,2 tỷ kWh/năm cho hệ thống điện quốc gia.

Bên cạnh các dự án nhiệt điện, Petrovietnam cũng tham gia góp vốn cùng các nhà đầu tư khác để đầu tư một số nhà máy thủy điện trong nước như HủaNa, Dakring, Nậm Chiến v.v. với công suất từ vài chục đến vài trăm MW.

Ngoài các nguồn điện truyền thống, Petrovietnam cũng tận dụng mọi cơ hội để tiếp cận và phát triển các nguồn điện từ năng lượng tái tạo, thân thiện môi trường. Bước đầu, Petrovietnam đang triển khai một số dự án phong điện tại tỉnh Bình Thuận: đã khởi công dự án trên đảo Phú Quý với công suất khoảng 6MW, dự kiến phát điện thương mại trong Quý IV năm 2011 và đang triển khai lập FS dự án tại xã Hoà Thắng với quy mô công suất khoảng 200 MW, để làm tiền đề triển khai các dự án phong điện trên diện rộng trong tương lai. Petrovietnam cũng đang nghiên cứu phát triển công nghệ, sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời bằng công nghệ màng mỏng hóa hơi dưới áp lực không khí.



HOẠT ĐỘNG CHẾ BIẾN DẦU KHÍ



Là một trong những lĩnh vực hoạt động chính của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, việc triển khai các dự án chế biến dầu khí chiếm vị trí quan trọng đối với sự phát triển của Tập đoàn cũng như đối với sự phát triển của các ngành công nghiệp có liên quan, gia tăng hiệu quả của công nghiệp khai khoáng, góp phần tăng trưởng kinh tế và đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng cao vị thế cạnh tranh của Tập đoàn trên trường quốc tế.

Trong năm 2010, Tập đoàn đã đưa Nhà máy lọc dầu Dung Quất - Nhà máy lọc dầu đầu tiên của Việt Nam và Nhà máy Polypropylen Dung Quất đi vào vận hành thương mại, góp phần nâng cao tỉ trọng của doanh thu và lợi nhuận của khâu sau trong doanh thu và lợi nhuận chung của Tập đoàn, theo đó trong năm 2010 toàn Tập đoàn đã sản xuất được khoảng 2,8 triệu tấn xăng; 2,67 triệu tấn dầu diesel; 806 nghìn tấn Urê; 61 nghìn tấn Polypropylen...

Bên cạnh các Nhà máy đang vận hành, Tập đoàn cũng đang tích cực triển khai nhiều dự án mới về lọc dầu - hóa dầu - nhiên liệu sinh học cũng như nghiên cứu mở rộng và nâng cấp các Nhà máy đang hoạt động nhằm đáp ứng cơ bản về nhu cầu sản phẩm xăng dầu, hóa dầu cũng như nguyên liệu hóa dầu trong cả nước, tiếp tục thực hiện Chiến lược và Quy hoạch phát triển ngành Dầu khí Việt Nam.

1. Các Nhà máy đang vận hành

- Nhà máy sản xuất DOP tại tỉnh Đồng Nai với công suất 30.000 tấn sản phẩm DOP/năm, vận hành từ năm 1997.
- Nhà máy Chế biến Condensate tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, công suất chế biến 130.000 tấn condensate/năm, đã hoạt động từ năm 2003, hàng năm cung cấp 270.000 tấn sản phẩm xăng. Từ năm 2011-2012, Nhà máy sẽ tăng công suất chế biến lên 250.000 tấn condensate/năm.
- Nhà máy Đạm Phú Mỹ tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với công suất 740.000 tấn sản phẩm Urê/năm từ nguyên liệu khí thiên nhiên, vận hành từ năm 2004. Từ năm 2011, Nhà máy Đạm Phú Mỹ sẽ tăng công suất lên 800.000 tấn Urê/năm.
- Nhà máy lọc dầu Dung Quất tại tỉnh Quảng Ngãi là nhà máy Lọc dầu đầu tiên của Việt Nam với công suất chế biến 6,5 triệu tấn dầu thô/năm, đã chính thức vận hành thương mại vào tháng 06/2010.
- Nhà máy Polypropylene Dung Quất tại tỉnh Quảng Ngãi, công suất 150.000 tấn Polypropylene/năm, sử dụng nguyên liệu propylen của Nhà máy lọc dầu Dung Quất, đã đi vào vận hành thương mại từ tháng 8/2010.

2. Các Dự án đang triển khai đầu tư xây dựng

- Nhà máy Xơ sợi Polyeste Đình Vũ tại thành phố Hải Phòng, công suất 170.000 tấn sản phẩm xơ sợi/năm

từ nguyên liệu nhập khẩu, dự kiến bắt đầu hoạt động trong năm 2011. Song song, để gia tăng giá trị của các sản phẩm xơ sợi, các Nhà máy kéo sợi đang triển khai đầu tư, xây dựng, dự kiến bắt đầu hoạt động vào năm 2012-2013.

- Các Nhà máy Nhiên liệu sinh học tại tỉnh Phú Thọ, Quảng Ngãi và Bình Phước, công suất mỗi nhà máy là 80.000 tấn etanol nhiên liệu/năm, dự kiến vận hành năm 2011-2012.
- Nhà máy Đạm Cà Mau tại tỉnh Cà Mau, công suất 800.000 tấn sản phẩm Urê/năm, sử dụng nguyên liệu khí thiên nhiên, dự kiến bắt đầu hoạt động vào đầu năm 2012.
- Nhà máy NPK Phú Mỹ tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, công suất 400.000 tấn NPK/năm, sử dụng nguyên liệu trong nước, dự kiến bắt đầu hoạt động năm 2013.
- Liên hợp Lọc Hóa dầu Nghi Sơn tại tỉnh Thanh Hoá, công

suất chế biến 10 triệu tấn dầu thô nhập khẩu/năm, dự kiến bắt đầu hoạt động năm 2015.

- Tổ hợp Hóa dầu Long Sơn tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, công suất chế biến 2,7 triệu tấn nguyên liệu/năm gồm khí etan trong nước và naphta/propan nhập khẩu, dự kiến bắt đầu hoạt động năm 2017.

3. Các Dự án đang nghiên cứu triển khai

- Nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất tại tỉnh Quảng Ngãi thêm 2,0 triệu tấn dầu thô/năm, dự kiến hoạt động năm 2018.
- Nhà máy Lọc dầu số 3 (Long Sơn) tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, công suất chế biến 10 triệu tấn dầu thô/năm, dự kiến hoạt động sau năm 2018.



Năm 2010 là năm Hội đồng thành viên của Tập đoàn phê duyệt và tổ chức triển khai đồng bộ trong toàn Tập đoàn ba nhóm giải pháp đột phá về Quản lý, về Phát triển nguồn nhân lực và về khoa học – công nghệ để thực hiện Chiến lược tăng tốc phát triển Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2025.

Với sứ mệnh là động lực và nền tảng cho sự phát triển, các giải pháp đột phá về khoa học – công nghệ đã tập trung vào các nội dung chính như đột phá trong nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của khoa học – công nghệ đối với sự tăng tốc phát triển Tập đoàn, đột phá về cơ chế, chính sách phát triển hoạt động khoa học – công nghệ trong tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Một lộ trình khoa học – công nghệ đến năm 2015 và Kế hoạch thực hiện cụ thể cũng được đề xuất để tổ chức triển khai các giải pháp đột phá về khoa học – công nghệ trong toàn ngành. Cuối năm 2010 Tập đoàn đã hướng dẫn để các đơn vị trong toàn ngành tổ chức triển khai các nội dung đột phá về khoa học – công nghệ thông qua các biện pháp và hành động cụ thể tại đơn vị mình.

Trong năm 2010 và đầu năm 2011 Tập đoàn triển khai việc hướng dẫn các đơn vị xây dựng Quy chế trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học – công nghệ để tạo thêm nguồn kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ

(NCKH) và đổi mới công nghệ, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Tập đoàn.

Trong năm 2010 Viện Dầu khí (VPI), đơn vị NCKH chủ lực, đã nhận triển khai 44 đề tài/nhiệm vụ khoa học – công nghệ do Tập đoàn giao theo yêu cầu của các đơn vị trong Tập đoàn và đã hoàn thành nghiệm thu 41 đề tài/nhiệm vụ khoa học – công nghệ. Trong chương trình hợp tác NCKH với các đơn vị ngoài ngành Tập đoàn đã giao cho Đại học Khoa học tự nhiên 4 đề tài và Đại học Bách khoa Hà Nội 2 đề tài NCKH. Thông qua các Hợp đồng NCKH đã làm thủ tục để Bộ Tài nguyên môi trường, Bộ Khoa học công nghệ ban hành 03 Quy chuẩn quốc gia và 2 bộ Tiêu chuẩn Việt Nam trong lĩnh vực dầu khí.

Vào tháng 9 năm 2010, cùng với Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập ngành Dầu khí Việt Nam (3/9/1975-3/9/2010) Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị Khoa học và Công nghệ Quốc tế và Triển lãm tại Hà Nội với sự tham dự của 750 nhà khoa học và quản lý của Việt Nam và nước ngoài với 95 báo cáo khoa học bao trùm các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của ngành Dầu khí Việt Nam.

Năm 2010 cũng là năm Hội đồng khoa học – công nghệ Tập đoàn nhiệm kỳ 2008-2010 kết thúc nhiệm kỳ hoạt động 3 năm của mình và triển khai các công tác chuẩn bị để thành lập Hội đồng khoa học – công nghệ nhiệm kỳ mới, nhiệm kỳ 2011-2013.



CÔNG TÁC AN TOÀN, SỨC KHỎE VÀ MÔI TRƯỜNG



Các hoạt động dầu khí có đặc điểm là luôn luôn tiềm ẩn rủi ro cao đối với con người, tài sản và môi trường như cháy nổ, rò rỉ khí, va đâm tàu thuyền, sụp đổ công trình, sự cố tràn dầu... Do vậy, việc đảm bảo tính mạng, sức khỏe cho con người; bảo đảm an toàn cho các công trình dầu khí với giá trị tài sản lớn cũng như ngăn ngừa các sự cố gây thảm họa môi trường luôn được Petrovietnam xác định là trách nhiệm hàng đầu của các cấp quản lý; Petrovietnam cam kết đảm bảo toàn bộ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, các dịch vụ và sản phẩm của Petrovietnam đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về an toàn sức khỏe môi trường theo Luật định; Petrovietnam sẽ áp dụng mọi biện pháp thích hợp để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây thương tật hoặc tác hại tới sức khỏe con người, gây thiệt hại tài sản hoặc ô nhiễm môi trường.

Hiện nay, Petrovietnam đã xây dựng được bộ máy quản lý về an toàn sức khỏe môi trường thống nhất và tương đối hoàn chỉnh đến từng đơn vị cơ sở, bao gồm từ cán bộ lãnh đạo cấp cao nhất cho tới cán bộ trực tiếp sản xuất và giữa các cấp quản lý đã có sự phân định trách nhiệm rõ ràng. Ở cấp Tập đoàn, Petrovietnam bố trí 01 đồng chí Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn phụ trách kiêm nhiệm công tác an toàn sức khỏe môi trường và thành lập Ban an toàn sức khỏe môi trường với chức năng làm đầu mối xây dựng và hoạch định chiến lược an toàn sức khỏe môi trường; xây dựng và cụ thể hóa các quy định của Nhà nước và pháp luật trong lĩnh vực an toàn sức khỏe môi trường bằng các quy chế, quy định, hướng dẫn của Tập đoàn; tổ chức

kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định nói trên. Ở cấp đơn vị, 100 % các đơn vị đã bố trí cán bộ chuyên trách hoặc bán chuyên trách về an toàn sức khỏe môi trường; thành lập Hội đồng bảo hiểm lao động và xây dựng mạng lưới an toàn vệ sinh viên. Tại các đơn vị có nguy cơ cao về cháy nổ, rò rỉ khí, rò rỉ hóa chất, tràn dầu... đã thành lập phòng, ban chuyên trách về an toàn sức khỏe môi trường. Nhằm ứng phó kịp thời với thiên tai, tai nạn và sự cố có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, Petrovietnam đã thành lập Ban chỉ đạo Tình huống khẩn cấp của Tập đoàn, đồng thời thiết lập Văn phòng trực Tình huống khẩn cấp và duy trì chế độ trực 24/24 giờ. Tại các đơn vị cơ sở đều có Ban chỉ huy Ứng phó tình huống khẩn cấp và các đội ứng cứu tại chỗ.

Petrovietnam luôn cập nhật đầy đủ và thực hiện tốt các quy định trong các văn bản pháp quy về an toàn sức khỏe môi trường như: Luật Lao động, Luật phòng cháy chữa cháy, Luật Bảo vệ môi trường và các Nghị định và Thông tư hướng dẫn thi hành. Ngoài ra, nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù về quản lý an toàn sức khỏe môi trường của Ngành Dầu khí, Petrovietnam đã chủ động biên soạn các quy chế về an toàn sức khỏe môi trường để trình Thủ tướng, các Bộ ban hành như: Quy chế quản lý an toàn trong các hoạt động dầu khí, Quy chế về bảo đảm an toàn hệ thống đường ống vận chuyển khí trên đất liền, Quy chế bảo vệ môi trường trong việc tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ, khai thác, tàng trữ, vận chuyển, chế biến dầu khí và các dịch vụ có liên quan... Bên cạnh đó, Petrovietnam đã xây



dụng và ban hành nhiều văn bản pháp quy khác như: Hướng dẫn giám sát an toàn trong các hoạt động dầu khí, Hướng dẫn quản lý rủi ro và ứng cứu khẩn cấp trong các hoạt động dầu khí, Hướng dẫn quản lý an toàn lao động - vệ sinh lao động trong các hoạt động dầu khí... Việc thực hiện các tài liệu nói trên đã phát huy tác dụng tốt và trở thành cơ sở quan trọng cho công tác quản lý an toàn sức khỏe môi trường của ngành. Các đơn vị đều đã xây dựng được các quy định, tài liệu, hướng dẫn phục vụ cho công tác quản lý an toàn sức khỏe môi trường như: quy trình vận hành, bảo dưỡng thiết bị, công trình; quy trình cấp phép làm việc; nội quy an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy...

Đối với các dự án, đề án dầu khí, các vấn đề về an toàn sức khỏe môi trường đều được Petrovietnam thẩm định ngay từ giai đoạn thiết kế cơ sở và liên tục được xem xét trong các quá trình thiết kế chi tiết, mua sắm, xây lắp, chạy thử nhằm đảm bảo dự án sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường, có độ tin cậy và an toàn cao. Các máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn của dự án trước khi đưa vào sử dụng đều thực hiện việc khám nghiệm, đăng ký, kiểm định theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, với mục tiêu nâng cao độ an toàn cho các công trình dầu khí, Petrovietnam còn mời cơ quan đăng kiểm quốc tế có kinh nghiệm và uy tín như Lloyd's, ABS, DNV... vào kiểm định và cấp chứng chỉ phù hợp cho một số công trình trọng điểm của ngành dầu khí như các công trình khí, giàn nén, nhà máy đạm Phú Mỹ...

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện An toàn - Vệ sinh lao động - bảo vệ môi trường - phòng chống cháy nổ hiện nay luôn được Petrovietnam và các đơn vị cơ sở quan tâm, chú trọng. Ngoài việc thực hiện đúng quy định của Thông tư số 37/2005/TT-BLĐTBXH về hướng dẫn công tác huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, Luật phòng cháy chữa cháy và Luật bảo vệ môi trường, hàng năm, các đơn vị thành viên còn cử cán bộ công nhân viên tham gia nhiều khóa học nâng cao, chuyên sâu về quản lý An toàn - Vệ sinh lao động - bảo vệ môi trường - phòng chống cháy nổ trong và ngoài nước. Một số đơn vị đã thực hiện đào tạo, huấn luyện an toàn theo 03 bước bao gồm: đào tạo an toàn chung cho tất cả cán bộ công nhân viên, đào tạo an toàn cho người mới vào làm và tái đào tạo.

Công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định của Nhà nước, Bộ, Ngành và Tập đoàn về an toàn sức khỏe môi trường đã đi vào nề nếp và được Petrovietnam đều đặn thực hiện mỗi

năm một lần tại tất cả các đơn vị trong Tập đoàn. Các đợt kiểm tra đột xuất được Petrovietnam tiến hành tại các đơn vị cơ sở có nguy cơ cháy nổ cao hoặc khi xảy ra các sự cố gây mất an toàn nghiêm trọng. Công tác tự kiểm tra các cấp được các đơn vị tiến hành thường xuyên. Nhiều đơn vị đã nghiên cứu biên soạn các biểu mẫu kiểm tra rất khoa học nhờ vậy chất lượng kiểm tra đã được nâng cao.

Hàng năm, 100% các đơn vị tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên nhằm theo dõi, đánh giá sức khỏe của người lao động và phát hiện bệnh nghề nghiệp. Các trường hợp bị mắc bệnh nghề nghiệp đều được gửi đi điều trị kịp thời tại các cơ sở y tế. Việc trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, thực hiện chế độ ăn ca, bồi dưỡng độc hại, chế độ nghỉ ngơi, điều dưỡng cho cán bộ công nhân viên tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước và Tập đoàn. Các đơn vị đã chú trọng đến việc cải thiện điều kiện làm việc, cải tạo nhà xưởng, trồng cây xanh, thông gió, chiếu sáng, thoát nước... Do vậy, kết quả đo đạc môi trường lao động hàng năm cho thấy hầu hết các vị trí sản xuất đều đạt tiêu chuẩn vệ sinh lao động, cảnh quan môi trường lao động được duy trì xanh, sạch, đẹp. Đây cũng là yếu tố quan trọng tạo ra sự thoải mái cho người lao động, giảm bớt căng thẳng góp phần hạn chế tai nạn, sự cố trong quá trình sản xuất.

Tập đoàn hàng năm phối hợp với Công đoàn ngành Dầu khí kịp thời chỉ đạo và hướng dẫn các đơn vị cơ sở tham gia vào các hoạt động do Chính phủ, các Bộ Ngành phát động như: Tuần lễ quốc gia về An toàn - Vệ sinh lao động - bảo vệ môi trường - phòng chống cháy nổ, phong trào xanh sạch đẹp... Các đơn vị cơ sở phối hợp với các địa phương hưởng ứng tích cực các phong trào. Hàng năm, Petrovietnam và các Tổng công ty lớn như đã định kỳ tổ chức Hội nghị đánh giá tình hình thực hiện công tác an toàn sức khỏe môi trường và Hội nghị an toàn sức khỏe môi trường đã trở thành hoạt động thường xuyên mang lại hiệu quả cao.

Có thể nói công tác an toàn sức khỏe môi trường trong những năm qua đã được Petrovietnam thực hiện rất nghiêm túc và đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Mặc dù công nghiệp dầu khí là ngành có nhiều rủi ro về an toàn sức khỏe môi trường song nhờ chú trọng đến công tác an toàn sức khỏe môi trường nên Petrovietnam chưa để xảy ra sự cố, cháy nổ, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng nào; chỉ số người bị thương tính trên số giờ làm việc giảm dần.

CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI



Công tác An sinh xã hội là một trong những nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam, đây cũng là một yêu cầu cấp thiết trong quá trình phát triển nhanh và bền vững. Năm 2010, Tập đoàn đã đóng góp 526,242 tỷ đồng để xây dựng nhà đại đoàn kết, hỗ trợ xây dựng trường học; hỗ trợ xây dựng các trạm y tế/ bệnh viện ở các địa phương; ủng hộ bà Mẹ Việt Nam Anh hùng; ủng hộ đồng bào bị bão lụt... Hoạt động An sinh xã hội, nhân đạo từ thiện của Tập đoàn đã góp phần cải thiện, nâng cao

chất lượng cuộc sống cho nhiều người dân trên khắp vùng miền trên cả nước. Kế hoạch thực hiện công tác An sinh xã hội trong năm 2011 của Tập đoàn là 715 tỷ đồng.

Đối với cộng đồng quốc tế, mỗi khi có thiên tai ở các nước trên thế giới, Cán bộ công nhân viên Dầu khí luôn cảm thông và chia sẻ khó khăn với nhân dân các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới kịp thời.





TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

MỤC LỤC

44-45 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

46-47 Báo cáo kiểm toán

48-51 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

52 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

53 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

54-82 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Đinh La Thăng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 9 tháng 11 năm 2010)
Ông Phùng Đình Thực	Thành viên (bổ nhiệm ngày 9 tháng 11 năm 2010)
Ông Hoàng Xuân Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 9 tháng 11 năm 2010)
Ông Vũ Khánh Trường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 9 tháng 11 năm 2010)
Ông Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 9 tháng 11 năm 2010)
Ông Phan Đình Đức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 9 tháng 11 năm 2010)
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 12 năm 2010)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Đình Thực	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2010)
Ông Nguyễn Quốc Thập	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2010)
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2010)
Ông Vũ Quang Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2010)
Ông Đỗ Văn Hậu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2010)
Bà Trần Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2010)
Ông Lê Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2010)
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2010)
Bà Phạm Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2010)
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2010)
Ông Nguyễn Sinh Khang	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2010)
Ông Nguyễn Ngọc Sự	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*

kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phùng Đình Thực
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Số: 24/Deloitte-AUDHN-RE

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”) từ trang 46 đến trang 80. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 42 và 43, Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ hạn chế phạm vi kiểm toán được trình bày dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Như trình bày tại các Thuyết minh số 7, 12 và 13 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin), Tập đoàn đã tạm ghi nhận giá trị xây dựng cơ bản dở dang tại các dự án được bàn giao từ Vinashin với giá trị là 667.522 triệu VND và phải trả Vinashin với số tiền tương ứng phản ánh trên khoản mục phải trả khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất - Công ty được bàn giao từ Vinashin, được hợp nhất vào báo tài chính hợp nhất của Tập đoàn với tổng tài sản và giá trị tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 7.039.429 triệu VND và (23.449) triệu VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn đã thanh toán cho Vinashin 3.425.065 triệu VND và phản ánh trên khoản mục phải thu khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Tại ngày báo cáo này, chưa có ý kiến chính thức bằng văn bản của các cơ quan có thẩm quyền về giá trị dự án xây dựng dở dang bàn giao từ Vinashin, giá trị tài sản và nợ phải trả của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất và số tiền Tập đoàn phải thanh toán cho Vinashin, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của việc nhận bàn giao các tài sản và công ty con từ Vinashin đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN *(tiếp theo)*

Với việc không đưa ra thêm ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất một số vấn đề sau đây:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, khoản tín dụng Tập đoàn đã cấp cho một số công ty thuộc Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin) tương đương 1.559.025 triệu VND, trong đó nợ đã quá hạn thanh toán là 1.034.687 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2010. Tập đoàn đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng có thể quản lý được chất lượng tín dụng và có phương án thu hồi nợ gốc, nợ lãi đối với các hợp đồng vay nêu trên trong các năm tiếp theo nên không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản cho vay này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 32 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chi phí dự phòng thu dọn các công trình thăm dò và khai thác dầu khí đối với một số mỏ Tập đoàn đang thăm dò và khai thác dầu, khí chưa được trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo quy định của Luật Dầu khí Việt Nam. Tại ngày báo cáo này, chi phí cần thiết để thực hiện nghĩa vụ thu dọn mỏ theo quy định cho một số mỏ nói trên chưa được xác định. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng khoản chi phí dự phòng phải ghi nhận không ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 34 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu so sánh là số liệu năm 2009 được trình bày tại báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, 2008 và 2007 được phát hành lại và được Hội đồng thành viên phê duyệt ngày 17 tháng 9 năm 2010.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 6 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		211.984.566	169.069.559
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	94.547.936	70.792.433
1. Tiền		28.465.665	25.952.450
2. Các khoản tương đương tiền		66.082.271	44.839.983
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	28.184.543	33.306.412
1. Đầu tư ngắn hạn		30.100.209	35.023.447
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.915.666)	(1.717.035)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		60.943.111	41.459.173
1. Phải thu khách hàng		37.829.566	25.003.341
2. Trả trước cho người bán		11.181.613	9.597.220
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		348.900	541.614
4. Các khoản phải thu khác	7	11.926.646	6.579.295
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi		(343.614)	(262.297)
IV. Hàng tồn kho	8	23.634.719	18.353.101
1. Hàng tồn kho		24.460.951	18.443.194
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(826.232)	(90.093)
V. Tài sản ngắn hạn khác		4.674.257	5.158.440
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		778.601	335.819
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.741.391	1.423.274
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		216.850	577.791
4. Tài sản ngắn hạn khác	9	937.415	2.821.556

Các thuyết minh từ trang 54 đến trang 82 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		254.075.077	184.315.998
I. Các khoản phải thu dài hạn		16.586	12.035
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		3.933	6.961
2. Phải thu dài hạn khác		13.015	11.548
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(362)	(6.474)
II. Tài sản cố định		142.333.841	105.378.301
1. Tài sản cố định hữu hình	10	102.925.023	46.971.770
- Nguyên giá		129.094.727	67.592.667
- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.169.704)	(20.620.897)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		105.106	6.921
- Nguyên giá		111.194	7.645
- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.088)	(724)
3. Tài sản cố định vô hình	11	1.589.649	1.467.189
- Nguyên giá		1.904.271	1.695.736
- Giá trị hao mòn lũy kế		(314.622)	(228.547)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	37.714.063	56.932.421
III. Bất động sản đầu tư		365.920	9.059
- Nguyên giá		375.342	9.191
- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.422)	(132)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		42.736.790	34.014.339
1. Đầu tư vào công ty liên kết	14	5.250.053	4.680.339
2. Góp vốn liên doanh	14	11.225.756	12.007.162
3. Đầu tư dài hạn khác	15	26.499.479	17.610.192
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(238.498)	(283.354)
V. Tài sản dài hạn khác		67.435.429	43.769.142
1. Chi phí trả trước dài hạn	16	41.560.068	26.897.575
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30	256.966	74.003
3. Chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí	17	17.795.958	13.264.311
4. Chi phí phát triển mỏ	18	7.686.321	3.438.837
5. Tài sản dài hạn khác		136.116	94.416
VI. Lợi thế thương mại		1.186.511	1.133.122
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		466.059.643	353.385.557

Các thuyết minh từ trang 54 đến trang 82 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
		Triệu VND	Triệu VND
A. NỢ PHẢI TRẢ		215.114.138	155.643.649
I. Nợ ngắn hạn		130.093.155	88.390.336
1. Vay và nợ ngắn hạn	19	50.507.527	32.723.687
2. Phải trả người bán		28.123.524	18.557.250
3. Người mua trả tiền trước		2.987.499	1.836.255
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	21.819.683	14.911.973
5. Phải trả người lao động		1.145.161	793.319
6. Chi phí phải trả	21	11.239.653	6.034.213
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	22	12.562.394	12.320.966
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		1.244.923	966.082
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		462.791	246.591
II. Nợ dài hạn		85.020.983	67.253.313
1. Phải trả dài hạn người bán		-	1.686
2. Phải trả dài hạn khác		522.552	449.533
3. Vay và nợ dài hạn	23	75.931.873	60.224.662
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30	5.787.014	5.346.783
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		104.926	85.318
6. Dự phòng phải trả dài hạn		599.756	74.243
7. Doanh thu chưa thực hiện		457.460	585.421
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.092.642	370.466
9. Quỹ bình ổn giá xăng dầu		524.760	115.201
B. NGUỒN VỐN	24	232.365.842	185.228.096
I. Vốn chủ sở hữu		232.133.568	184.917.295
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		177.628.384	118.123.967
2. Vốn khác của chủ sở hữu		5.544.909	1.753.008
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		6.710.920	39.336
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(228.799)	(2.539.231)
5. Quỹ đầu tư phát triển		19.452.338	23.213.219
6. Quỹ dự phòng tài chính		16.773.142	11.398.910
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		126.523	67.877
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.139.768	17.931.893
9. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		659.902	14.928.316
10. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		2.326.481	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		232.274	310.801
1. Nguồn kinh phí		78.292	19.666
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		153.982	291.135
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		18.579.663	12.513.812
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		466.059.643	353.385.557

Các thuyết minh từ trang 54 đến trang 82 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG	Đơn vị	31/12/2010	31/12/2009
1. Tài sản thuê ngoài	Triệu VND	-	1.445
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	Triệu VND	1.026.818	505.266
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	Triệu VND	265	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	Triệu VND	171.775	249.603
5. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	715.834.918	1.520.607.154
Euro	EUR	20.494.329	12.217.103
Dinar Algeria	DZD	7.866.320	6.095.159
Đô la Singapore	SGD	805.794	387.193
Curon Nauy	NOK	686.881	-
Yên Nhật	JPY	56.305	18.621.671
Bảng Anh	GBP	1.333	397.081



Phùng Đình Thực

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2011



Ninh Văn Quỳnh

Kế toán trưởng

Trưởng ban Tài chính, Kế toán và Kiểm toán

Các thuyết minh từ trang 54 đến trang 82 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2010	2009
		Triệu VND	Triệu VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		241.459.395	139.791.984
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		6.628.854	3.280.549
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	234.830.541	136.511.435
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		186.756.876	101.406.507
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		48.073.665	35.104.928
6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	13.329.512	8.135.650
7. Chi phí tài chính	27	8.649.534	3.276.857
8. Chi phí bán hàng		3.405.111	2.547.749
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		6.368.880	4.252.983
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		42.979.652	33.162.989
11. Thu nhập khác		1.708.635	810.871
12. Chi phí khác		681.609	331.309
13. Lợi nhuận khác	28	1.027.026	479.562
14. Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết, liên doanh		498.114	248.293
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		44.504.792	33.890.844
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	14.727.938	10.588.260
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	30	199.032	1.914.750
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		29.577.822	21.387.834
Phân phối cho:			
Cổ đông của Tập đoàn		26.912.126	19.847.562
Lợi ích của cổ đông thiểu số		2.665.696	1.540.272



Phùng Đình Thực
Tổng Giám đốc

Ninh Văn Quỳnh
Kế toán trưởng
Trưởng ban Tài chính, Kế toán và Kiểm toán

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 54 đến trang 82 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	2010	2009
	Triệu VND	Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	44.504.792	33.890.844
Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	8.094.967	4.772.874
- Phân bổ chi phí thăm dò và phát triển dầu khí	10.114.900	4.458.368
- Các khoản dự phòng	706.140	(1.282.612)
- (Lãi) thanh lý tài sản cố định	(72.184)	(7.423)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.283.087	788.404
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	(8.061.697)	(5.438.721)
- Chi phí lãi vay	2.495.240	989.661
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	59.065.245	38.171.395
- (Tăng) các khoản phải thu	(16.385.240)	(11.425.936)
- (Tăng) hàng tồn kho	(2.981.032)	(9.758.150)
- Tăng các khoản phải trả	28.893.484	9.389.551
- (Tăng) chi phí trả trước	(2.175.586)	(661.141)
- Tiền lãi vay đã trả	(1.708.051)	(1.743.054)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(13.294.139)	(9.649.701)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	51.414.681	14.322.964
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
- Chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	(66.239.884)	(36.722.466)
- Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	220.825	132.836
- (Tăng) các khoản đầu tư	(2.754.128)	(17.048.851)
- Thu lãi từ các khoản đầu tư	7.411.210	4.503.547
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(61.361.977)	(49.134.934)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
- Số dư tiền nhận PETEC từ Bộ Công Thương và Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất từ Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	668.082	-
- Ngân sách Nhà nước cấp vốn	7.055.387	12.079.543
- Tiền thu từ cổ phần hóa các công ty con	2.332	2.448
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	57.329.645	43.915.272
- Tiền chi trả nợ gốc vay	(31.352.648)	(11.980.241)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	33.702.798	44.017.022
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	23.755.503	9.205.052
Tiền và tương đương tiền đầu năm	70.792.433	61.587.381
Tiền và tương đương tiền cuối năm	94.547.936	70.792.433



Phùng Đình Thực
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2011

Ninh Văn Quỳnh
Kế toán trưởng
Trưởng ban Tài chính, Kế toán và Kiểm toán

Các thuyết minh từ trang 54 đến trang 82 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”) được hình thành trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam và các đơn vị thành viên theo Quyết định số 198/2006/QĐ - TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là công ty Nhà nước, có tư cách pháp nhân, được thành lập theo Quyết định số 199/2006/QĐ - TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 18 tháng 6 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 924/QĐ - TTg chuyển đổi Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 01 tháng 07 năm 2010. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm chuyển đổi là 177.628.383.625.944 VND.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Nghiên cứu, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, phân phối và dịch vụ dầu khí;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, sản phẩm dầu khí, các nguyên liệu hoá phẩm dầu khí;
- Khảo sát, thiết kế, xây dựng, sửa chữa các công trình, phương tiện phục vụ ngành dầu khí, dân dụng;
- Đầu tư, sản xuất, kinh doanh điện;
- Hoạt động tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm;
- Các ngành, nghề khác theo quy định của pháp luật.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Tuy nhiên, báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính hợp nhất phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3 HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và báo cáo tài chính của các công ty do Tập đoàn kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tập đoàn và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng, các khoản ủy thác đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được trình bày theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư theo quy định.

Ứng vốn trong các hợp đồng dầu khí

Ứng vốn trong các hợp đồng dầu khí phản ánh các khoản phải thu hoặc phải trả các công ty điều hành trong các hợp đồng dầu khí tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo quy định trong các hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí (PSC) và hợp đồng liên doanh điều hành dầu khí (JOC), hàng tháng căn cứ vào chương trình hoạt động và ngân sách đã được phê duyệt, công ty điều hành chung sẽ yêu cầu các Nhà thầu tham gia hợp đồng ứng trước số tiền dự tính cần chi tiêu cho tháng tiếp theo.

Các tài sản hoặc chi phí hình thành của hợp đồng được ghi nhận vào các khoản mục tài sản và tương ứng ghi giảm khoản ứng trước trong các hợp đồng dầu khí trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị các sản phẩm lọc hóa dầu dở dang của Công ty TNHH Lọc hóa dầu Bình Sơn tại ngày kết thúc niên độ kế toán được xác định theo giá trị dầu thô sử dụng trong tháng. Giá thành sản xuất cho từng loại sản phẩm lọc hóa dầu hàng tháng được xác định trên cơ sở phân bổ tổng chi phí thực tế phát sinh cho sản lượng sản xuất và giá bán bình quân hàng tháng (không bao gồm thu điều tiết và thuế tiêu thụ đặc biệt) của từng loại sản phẩm hóa dầu. Đến ngày báo cáo tài chính này, Tập đoàn đang tiến hành các thủ tục trình Bộ Tài chính phê duyệt phương pháp xác định giá thành đối với các sản phẩm nêu trên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm cụ thể như sau:

Tỷ lệ khấu hao (%)	
Nhà cửa, vật kiến trúc	2 - 33
Máy móc, thiết bị	3 - 33
Phương tiện vận chuyển	4 - 50
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10 - 33
Tài sản cố định khác	5 - 33

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi/lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu các điều khoản của hợp đồng thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan tới quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Các trường hợp khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thu nhập từ cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên điều khoản của hợp đồng thuê. Chi phí thuê hoạt động phải trả được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên điều khoản của hợp đồng thuê. Lợi ích đã hoặc sẽ nhận được được phân bổ dựa trên điều khoản của hợp đồng thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tập đoàn vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tập đoàn tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tập đoàn tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tập đoàn và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế thương mại nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tập đoàn tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, đầu tư dài hạn vào các quỹ, dự án, đầu tư vào các doanh nghiệp khác mà Tập đoàn nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ tương ứng quyền biểu quyết và các khoản cho vay, ủy thác quản lý vốn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

dài hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc, sau đó, được xác định theo nguyên giá trừ đi dự phòng các khoản giảm giá đầu tư dài hạn. Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn được trích lập theo quy định của từng loại đầu tư dài hạn được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần hoặc khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán.

Chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí

Chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí phản ánh toàn bộ những khoản chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp phát sinh liên quan đến các hoạt động thăm dò, tìm kiếm dầu khí theo từng hợp đồng dầu khí hoặc theo từng diện tích tìm kiếm đối với hoạt động tự tìm kiếm, thăm dò dầu khí.

Nếu hết giai đoạn tìm kiếm, thăm dò mà không có phát hiện thương mại, tùy theo quyết định đầu tư đối với diện tích tìm kiếm, Tập đoàn có thể ghi giảm nguồn kinh phí từ Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí; ghi giảm Quỹ dự phòng tài chính; hoặc phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong thời gian không quá 5 năm kể từ ngày kết thúc dự án.

Chi phí tìm kiếm, thăm dò thuộc các đối tượng có phát hiện thương mại được tập hợp và chuyển sang “Chi phí trả trước dài hạn” và được phân bổ cho sản lượng có thể khai thác của đối tượng trong khuôn khổ của hợp đồng dầu khí.

Nếu việc tìm kiếm, thăm dò dầu khí được thực hiện như một nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế thì chi phí này sẽ được tập hợp và quyết toán với nguồn được cấp theo quy định tài chính hiện hành.

Chi phí phát triển mỏ trong các hợp đồng dầu khí

Chi phí phát triển mỏ là toàn bộ chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp phát sinh trong năm liên quan đến hoạt động phát triển mỏ trong diện tích phát triển và hệ thống lấy dầu, bao tiêu khí, xử lý hoặc vận chuyển. Chi phí phát triển mỏ trong các hợp đồng dầu khí được theo dõi chi tiết theo từng hợp đồng dầu khí.

Chi phí phát triển mỏ sẽ được chuyển sang “Chi phí trả trước dài hạn” và được phân bổ vào giá thành khai thác dầu khí theo sản lượng khai thác của mỏ trong khuôn khổ của hợp đồng dầu khí.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí, phát triển mỏ tại các hợp đồng dầu khí có phát hiện thương mại đã được phê duyệt quyết toán chi phí của cấp có thẩm quyền và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí trả trước dài hạn có nội dung là các khoản chi phí tìm kiếm thăm dò dầu khí và phát triển mỏ nói trên được Tập đoàn phân bổ dần vào chi phí theo tỷ lệ giữa sản lượng thực tế khai thác hàng kỳ với sản lượng dự kiến khai thác của mỏ trong khuôn khổ của hợp đồng dầu khí.

Hàng kỳ, Tập đoàn xem xét lại sản lượng dự kiến khai thác của mỏ. Trong trường hợp sản lượng khai thác dự kiến của mỏ khi đánh giá lại mà có chênh lệch so với sản lượng khai thác dự kiến còn lại đã được xác định trước đó, Tập đoàn sẽ điều chỉnh lại tỷ lệ phân bổ chi phí tìm kiếm thăm dò và chi phí phát triển mỏ cho kỳ tiếp theo. Sản lượng dự kiến khai thác của mỏ được xác định bởi Tập đoàn. Tuy nhiên, chưa có một tài liệu chính thức nào được các bên độc lập xác nhận về trữ lượng còn lại của các mỏ Tập đoàn đang tham gia góp vốn hoặc khai thác.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu, chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với tỷ lệ hoàn thành tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất khi kết quả của hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy. Thông thường, tỷ lệ hoàn thành được tính toán dựa trên tỷ lệ giữa chi phí thực tế phát sinh lũy kế với tổng chi phí ước tính của hợp đồng, trừ khi tỷ lệ này không phản ánh được tỷ lệ hoàn thành. Các thay đổi trong hợp đồng, các khoản bồi thường hoặc tiền thưởng được ghi nhận khi đã có thỏa thuận với khách hàng. Trong trường hợp kết quả của hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần chi phí thực tế phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ thực tế phát sinh. Khi có khả năng chắc chắn rằng, tổng chi phí sẽ vượt quá doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ dự tính sẽ được ghi nhận ngay vào chi phí.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng, là tỷ lệ lãi suất phản ánh giá trị của lượng tiền nhận được trong tương lai tính trên giá trị ghi sổ của tài sản tài chính.

Thu nhập từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận các khoản thu nhập này.

Ngoại tệ

Báo cáo tài chính riêng của các đơn vị được trình bày bằng đồng tiền của nền kinh tế mà đơn vị đang hoạt động (đồng tiền cơ sở). Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất, kết quả và tình hình tài chính của từng đơn vị được trình bày bằng đồng VND, đồng tiền cơ sở của Tập đoàn và là đồng tiền cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và công nợ của các công ty con có báo cáo tài chính trình bày bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Doanh thu, chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân trong năm, trừ khi tỷ giá có sự thay đổi lớn trong năm, khi đó, tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ sẽ được sử dụng. Chênh lệch tỷ giá phát sinh sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên báo cáo tài chính hợp nhất hoặc như một khoản chi phí hay thu nhập trong năm trong trường hợp Tập đoàn thanh lý công ty con.

Ghi nhận chênh lệch tỷ giá tại các Ban quản lý dự án của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Chênh lệch tỷ giá phát sinh tại các Ban quản lý dự án của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu liên quan tới các công trình xây dựng dở dang sẽ được bàn giao toàn bộ cho các công ty con và được phân bổ vào chi phí sản xuất của các công ty con không quá 5 năm kể từ ngày công trình hoàn thành bàn giao. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, khoản lãi chênh lệch tỷ giá đang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

ghi nhận trên mục vốn chủ sở hữu khoảng 71 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2009: lỗ khoảng 2.400 tỷ VND).

Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá” và Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009, đối với các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh, chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào doanh thu, chi phí tài chính; đối với các doanh nghiệp chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh, chênh lệch tỷ giá được phân bổ vào chi phí trong vòng 5 năm kể từ ngày công trình hoàn thành đưa vào sử dụng. Do đặc thù và quy mô của các dự án dầu khí, các công ty con sẽ được bàn giao tài sản cố định sau khi các công trình xây dựng được hoàn thành. Bộ Tài chính đã phê duyệt việc áp dụng chính sách kế toán nêu trên tại Công văn số 6750/BTC-CĐKT ngày 27 tháng 5 năm 2010 về việc hạch toán chênh lệch tỷ giá. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng việc hạch toán chênh lệch tỷ giá của Tập đoàn là phù hợp với bản chất kinh tế của nghiệp vụ và phản ánh hợp lý quan hệ kinh tế giữa Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty con.

Ghi nhận chênh lệch tỷ giá trong trường hợp khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu, phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Các công ty con chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh, chênh lệch phát sinh trong năm và đánh giá lại cuối kỳ kế toán được phân bổ vào chi phí trong vòng 5 năm kể từ ngày công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế được tính toán dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm sau khi điều chỉnh các khoản mục không được chấp nhận hoặc không hợp lý. Công nợ thuế hiện hành được tính toán dựa trên tỷ lệ thuế hiện hành tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động khai thác dầu thô khoảng 28% - 50% tùy thuộc vào điều khoản quy định trong hợp đồng và tỷ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

lệ thuế suất ấn định trên từng lô dầu, khí theo quy định của Bộ Tài chính và đối với các hoạt động khác là 10% - 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến hoạt động khai thác dầu thô và khí của các hợp đồng phân chia sản phẩm được xác định theo điều khoản quy định trong hợp đồng. Thuế thu nhập doanh nghiệp của các hoạt động khác được thực hiện theo luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt	113.217	100.245
Tiền gửi ngân hàng	28.327.225	25.755.559
Tiền đang chuyển	25.223	96.646
Các khoản tương đương tiền	66.082.271	44.839.983
	94.547.936	70.792.433

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi của Tập đoàn có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba (3) tháng tại các ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính.

6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	7.663.589	10.241.306
Đầu tư ngắn hạn khác	22.436.620	24.782.141
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	(1915.666)	(1.717.035)
	28.184.543	33.306.412

Đầu tư ngắn hạn khác phản ánh các khoản đầu tư cổ phiếu niêm yết, các khoản cổ phần góp vốn, trái phiếu Chính phủ, các khoản đầu tư khác nhằm thu được lợi nhuận trong tương lai thông qua cổ tức được chia hoặc mua bán các khoản đầu tư đó và các khoản cho vay có thời hạn thu hồi không quá 1 năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, dư nợ tín dụng Tập đoàn đã cấp cho một số công ty thuộc Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin) với tổng số tiền tương đương 1.559.025 triệu VND, trong đó có 1.034.687 triệu VND là nợ đã quá hạn thanh toán. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Tập đoàn có thể quản lý được chất lượng tín dụng và có phương án thu hồi nợ gốc, nợ lãi đối với các hợp đồng vay nêu trên trong các năm tiếp theo nên không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản cho vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VND	Triệu VND
Phải thu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (*)	3.103.962	-
Lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản ủy thác vốn	1.230.194	1.140.534
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần và các giấy tờ có giá	827.924	379.366
Tạm ứng kinh phí hoạt động cho các tổ chức, đoàn thể	413.494	344.317
Phải thu cho vay ủy thác qua Ngân hàng TMCP Đại Dương	644.153	-
Ứng vốn cho các hợp đồng dầu khí	583.762	310.225
Phải thu phần thuế tạm nộp cho hàng tạm nhập, tái xuất	399.723	237.059
Hỗ trợ thực hiện dự án tổng thể năng lượng sạch và chiếu sáng	351.474	238.600
Phải thu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	322.200	-
Phải thu đối tác góp vốn vào Công ty CP Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	318.520	-
Phải thu Công ty Điều hành Đường ống Block B - Ô Môn	295.068	-
Phải thu các nhà điều hành các lô dầu khí	293.179	-
Phải thu về xử lý nợ xấu	253.856	39.784
Phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn S.S.G	198.270	-
Phải thu NSNN khoản tạm ứng đầu tư Nhà máy lọc dầu Dung Quất	151.703	151.703
Phải thu Ngân hàng Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	147.420	54.106
Phải thu về tiền đặt cọc, phí bảo lãnh	105.428	1.010.530
Phải thu lãi liên doanh	96.356	33.643
Phải thu tiền nhận bồi hoàn	80.964	113.354
Phải thu các hợp đồng nghiên cứu khoa học	79.368	-
Phải thu các công ty điều hành tiền thuế nộp hộ	68.703	66.914
Khoản lỗ kinh doanh dầu chờ cấp bù	-	515.425
Mua xăng dầu dự trữ Quốc gia	-	160.467
Khác	1.960.925	1.783.268
	11.926.646	6.579.295

(*) Trong đó bao gồm khoản phải thu do Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thanh toán cho Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin) liên quan đến các đơn vị bàn giao theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ từ ngày 1 tháng 7 năm 2010 là 3.000 tỷ VND (số tiền Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thanh toán cho Vinashin là 3.425,065 tỷ VND, trong đó thanh toán nợ gốc và lãi tiền vay ngân hàng Natixis cho Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất - Công ty được bàn giao từ Vinashin với số tiền là 425,065 tỷ VND đã được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên vật liệu	8.115.206	6.340.507
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.703.797	4.255.993
Hàng hóa	5.021.565	4.538.674
Hàng mua đang đi đường	2.427.792	2.751.933
Thành phẩm	2.048.247	459.584
Công cụ, dụng cụ	81.608	36.860
Hàng gửi bán	62.736	59.643
	24.460.951	18.443.194
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(826.232)	(90.093)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	23.634.719	18.353.101

9 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VND	Triệu VND
Ký quỹ và ký cược ngắn hạn	670.161	2.590.408
Tạm ứng	298.382	211.661
Tài sản ngắn hạn khác	(31.128)	19.487
	937.415	2.821.556

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, nguyên giá tài sản cố định hữu hình sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn được trình bày tại Thuyết minh số 23 là khoảng 20.243.360 triệu VND (31 tháng 12 năm 2009: 11.146.719 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn bao gồm các tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng với giá trị là 7.855.016 triệu VND (31 tháng 12 năm 2009: 6.739.151 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2010	33.269.277	22.461.559	8.975.119	704.186	2.182.526	67.592.667
Mua sắm mới, xây dựng hoàn thành	8.183.905	39.411.378	2.561.685	297.317	2.737.621	53.191.906
Thanh lý, nhượng bán	(110.175)	(82.700)	(285.070)	(22.781)	(498)	(501.224)
Nhận tài sản từ Bộ Công Thương và Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	150.198	2.992.584	172.700	7.130	41.055	3.363.667
Phân loại lại	(22.408.327)	7.778.567	33.343	158.740	14.437.677	-
Đánh giá lại tài sản	63.749	(217.153)	962	(2.501)	4.313.832	4.158.889
Chênh lệch do chuyển đổi sang đồng tiền cơ sở	11.337	166.022	1.512	1.962	350.560	531.393
Tăng/(giảm) khác	126.068	(72.815)	631.969	9.353	62.854	757.429
Tại ngày 31/12/2010	19.286.032	72.437.442	12.092.220	1.153.406	24.125.627	129.094.727
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2010	9.424.364	7.325.386	2.999.556	355.410	516.181	20.620.897
Khấu hao trong năm	1.348.262	3.537.203	985.460	196.923	1.803.313	7.871.161
Thanh lý, nhượng bán	(51.609)	(32.661)	(270.543)	(21.873)	(522)	(377.208)
Nhận tài sản từ Bộ Công Thương và Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	108.896	163.737	62.911	5.004	1.168	341.716
Phân loại lại	(7.776.352)	932.834	9.474	32.759	6.801.285	-
Đánh giá lại tài sản	(446.466)	(53.941)	(17.167)	(8.053)	(1.748.036)	(2.273.663)
Chênh lệch do chuyển đổi sang đồng tiền cơ sở	805	18.441	392	643	18.188	38.469
Tăng/(giảm) khác	(42.682)	(110.277)	74.127	3.790	23.374	(51.668)
Tại ngày 31/12/2010	2.565.218	11.780.722	3.844.210	564.603	7.414.951	26.169.704
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2010	16.720.814	60.656.720	8.248.010	588.803	16.710.676	102.925.023
Tại ngày 31/12/2009	23.844.913	15.136.173	5.975.563	348.776	1.666.345	46.971.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Bản quyền, bằng sáng chế Triệu VND	Phần mềm máy tính Triệu VND	Tài sản cố định vô hình khác Triệu VND	Cộng Triệu VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	1.318.854	159.117	121.691	96.074	1.695.736
Mua sắm mới	209.696	306.817	84.791	5.959	607.263
Thanh lý, nhượng bán	(23.845)	-	(4.251)	(156)	(28.252)
Đánh giá lại tài sản	(210.233)	-	(82)	-	(210.315)
Tăng/(giảm) khác	(132.270)	-	22.145	(50.036)	(160.161)
Tại ngày 31/12/2010	1.162.202	465.934	224.294	51.841	1.904.271
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	11.651	139.327	52.774	24.795	228.547
Trích khấu hao trong năm	18.605	28.863	41.272	3.613	92.353
Thanh lý, nhượng bán	(1.954)	-	(1.614)	(59)	(3.627)
Đánh giá lại tài sản	-	-	(473)	-	(473)
Tăng/(giảm) khác	6.248	-	(430)	(7.996)	(2.178)
Tại ngày 31/12/2010	34.550	168.190	91.529	20.353	314.622
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	1.127.652	297.744	132.765	31.488	1.589.649
Tại ngày 31/12/2009	1.307.203	19.790	68.917	71.279	1.467.189

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	2010 Triệu VND	2009 Triệu VND
Số dư đầu năm	56.932.421	57.359.912
Tăng trong năm	30.586.117	19.951.281
Chuyển ghi tăng tài sản cố định trong năm	(49.804.475)	(20.378.772)
Số dư cuối năm	37.714.063	56.932.421

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

Tên công trình	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND
Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	8.698.857	1.886.944
Nhà máy sản xuất xơ sợi tổng hợp Polyester Đình Vũ	4.196.394	768.285
Dự án đóng mới giàn khoan TAD	3.528.847	307.800
Tổ hợp khí - điện - đạm Cà Mau	3.475.333	702.372
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	2.907.801	42.705
Kho nổi chứa dầu FSO5	2.604.316	2.388.594
Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	1.449.165	665.559
Trung tâm điện lực Long Phú Sông Hậu	798.586	290.916
Nhà máy sản xuất Bio-ethanol	776.388	67.240
Công trình thủy điện Hủa Na	769.638	268.994
Các công trình thuộc Nhà máy lọc dầu Dung Quất	671.465	43.657.458
Các dự án nhận bàn giao từ Vinashin (*)	667.522	-
Tòa nhà Văn phòng số 43 Mạc Đĩnh Chi, TP Hồ Chí Minh	442.195	-
Nhà máy Liên hiệp Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	396.556	-
Dự án CT 10-11 Văn Phú	392.005	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)

Tên công trình	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VND	Triệu VND
Giàn khoan nửa nổi nửa chìm	366.813	-
Nhà máy nhiệt điện Thái Bình	335.255	89.997
Công trình thủy điện Dakrinh	312.702	91.230
Nhà điều hành và nhà ở công vụ Cà Mau	308.894	183.263
Cao ốc Văn phòng Dragon Tower	285.102	157.698
Dự án đóng tàu chở dầu	284.985	853.282
Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	225.947	115.899
Dự án tòa tháp Văn phòng PVI tại Yên Hòa, Cầu Giấy	214.892	-
Dự án mở rộng căn cứ cảng hạ lưu Vũng Tàu	208.726	98.580
Đường ống dẫn khí Hải Sư Trắng/Tê Giác Trắng - Bạch Hổ	206.984	-
Công trình Tổng kho xăng dầu PV Oil tại Vũng Áng	193.694	126.419
Nhà máy chế tạo ống thép tại Tiền Giang	151.105	-
Công trình mở rộng kho xăng dầu Nhà Bè	128.869	-
Dự án Kho Cái Răng - Cần Thơ	122.446	116.820
Dự án thủy điện Luang Prabang	100.975	95.820
Cao ốc Văn phòng số 2, Nguyễn Hữu Cánh, TP Vũng Tàu	97.134	-
Dự án chung cư Nam An Khánh, Hà Nội	92.641	-
Dự án Đại học Dầu khí	87.844	-
Dự án Khách sạn Lam Kinh, Thanh Hóa	82.674	-
Khu tái định cư Cà Mau	80.001	85.244
Đường ống dẫn khí Lô B Ô Môn	74.780	133.682
Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu	-	252.805
Nhà máy điện Nhơn Trạch 1	-	176.199
Văn phòng Viện Dầu khí	-	411.338
Dự án thu hồi khí thải CO2	-	342.299
Khách sạn Dầu khí Hà Nội	-	220.934
Tòa nhà Dầu khí Nghệ An	-	180.484
Dự án đóng 2 tàu 3500HP	-	153.368
Cảng Đạm và Dịch vụ Tổng hợp Phú Mỹ	-	129.712
Tổ hợp Cảng Phú Mỹ - Văn phòng cao cấp	-	100.084
Trường đào tạo nhân lực Dầu khí	-	-
Khác	1.976.532	1.770.398
	37.714.063	56.932.421

(*) Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam và Công văn về việc hướng dẫn các vấn đề về tài chính khi thực hiện điều chuyển, bàn giao các công ty và dự án thuộc Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam, Tập đoàn đang tạm hạch toán tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang tiếp nhận từ Vinashin và tăng các khoản phải trả với giá trị bằng 667.522 triệu VND. Tại ngày báo cáo này, chưa có ý kiến chính thức bằng văn bản của các cơ quan có thẩm quyền về giá trị dự án xây dựng dở dang nhận bàn giao từ Vinashin.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Công ty	Địa điểm	Tỷ lệ cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Việt Nam	100,00%	100,00%	Chế biến và kinh doanh dầu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Việt Nam	100,00%	100,00%	Chế biến và kinh doanh khí
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh điện
Công ty TNHH Nhà nước MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Việt Nam	100,00%	100,00%	Thăm dò, khai thác
Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC (**)	Việt Nam	100,00%	100,00%	Thương mại, đầu tư
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Việt Nam	100,00%	100,00%	Lọc hóa dầu
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (***)	Việt Nam	100,00%	100,00%	Đóng tàu
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	78,00%	78,00%	Dịch vụ tài chính
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	Việt Nam	73,01%	81,00%	Hóa dầu và xơ sợi
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	Việt Nam	68,34%	68,48%	Thương mại
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Năng lượng Dầu khí	Việt Nam	65,64%	51,00%	Giám sát, quản lý dự án
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Việt Nam	61,37%	61,37%	Kinh doanh phân đạm, hóa chất
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	59,93%	62,65%	Dịch vụ, xây dựng
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	59,17%	61,17%	Bảo hiểm
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Việt Nam	58,40%	58,40%	Vận tải
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	57,96%	51,00%	Dịch vụ an ninh
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Việt Nam	53,57%	54,47%	Dịch vụ khoan
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	Việt Nam	53,17%	80,00%	Bảo dưỡng, sửa chữa công trình
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Sapa	Việt Nam	50,44%	74,74%	Du lịch
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	49,70%	54,00%	Tư vấn dự án điện
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (*)	Việt Nam	41,21%	41,21%	Xây dựng
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (*)	Việt Nam	38,31%	41,42%	Dung dịch khoan
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư khai thác Cảng Phước An	Việt Nam	35,77%	70,00%	Dịch vụ cảng
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (*)	Việt Nam	35,24%	35,24%	Thương mại, dịch vụ
Công ty TNHH MTV Đóng tàu đặc chủng Nhơn Trạch (***)	Việt Nam			Đóng tàu
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Lai Vu (***)	Việt Nam			Đóng tàu

(*) Mặc dù Tập đoàn nắm giữ dưới 50% tỷ lệ biểu quyết tại Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC), Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco) và Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty cổ phần (DMC), Tập đoàn có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị của các công ty này, qua đó, có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này. Như vậy, Tập đoàn có quyền kiểm soát lâu dài đối với PVC, Petrosetco và DMC, do đó, thực hiện hợp nhất các báo cáo tài chính của các công ty con này vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

(**) Theo Quyết định số 0881/QĐ-BCT ngày 12 tháng 2 năm 2010 của Bộ Công thương, Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC (PETEC) trực thuộc Bộ Công thương được chuyển về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quản lý. Theo Quyết định số 555/QĐ-DKVN ngày 5 tháng 3 năm 2010 của Hội đồng Quản trị, Tập đoàn tiếp nhận PETEC về làm đơn vị thành viên Tập đoàn từ ngày 31 tháng 3 năm 2010.

Trong năm, Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã hoàn thành việc bán cổ phần lần đầu ra công chúng của PETEC và sẽ nắm giữ 51% vốn điều lệ của PETEC theo phương án cổ phần hóa được duyệt tại Quyết định số 3080/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 11 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(***) Trên cơ sở Quyết định số 926/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin), Tập đoàn đã hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất - Công ty được bàn giao từ Vinashin. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng tài sản và giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất là 7.039.429 triệu VND và (23.449) triệu VND.

Tại ngày báo cáo này, Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đang làm thủ tục chuyển giao Công ty TNHH MTV Đóng tàu đặc chủng Nhơn Trạch cho Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) và chuyển giao Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Lai Vu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (Ocean Bank).

Tại ngày báo cáo này, chưa có ý kiến chính thức bằng văn bản của các cơ quan có thẩm quyền về giá trị tài sản và nợ phải trả của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất và số tiền Tập đoàn phải thanh toán cho Vinashin. Giá trị này có thể thay đổi khi có quyết định phê duyệt chính thức từ cơ quan có thẩm quyền về giá trị của các Công ty nhận bàn giao.

14 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, GÓP VỐN LIÊN DOANH

Thông tin chi tiết phần tài sản thuần của Tập đoàn trong các công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VND	Triệu VND
Giá trị gốc của khoản đầu tư	16.190.632	16.806.077
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và các khoản khác	285.177	(118.576)
	16.475.809	16.687.501

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Công ty	Địa điểm	Tỷ lệ cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thương mại Bình Thuận	Việt Nam	35,39%	35,39%	Thương mại
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phúc	Việt Nam	26,35%	49,00%	Đầu tư, xây dựng, dịch vụ
Công ty cổ phần đầu tư Khu công nghiệp Hòa Cẩm	Việt Nam	9,56%	45,50%	Khu công nghiệp
Công ty Cổ phần Tổng hợp Thương mại Thuận An	Việt Nam	22,21%	22,21%	Thương mại
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu	Việt Nam	27,85%	27,85%	Xăng dầu
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	Việt Nam	43,90%	43,90%	Khai thác thủy điện
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	Việt Nam	35,42%	34,00%	Dịch vụ khai khoáng, viễn thông
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Việt Nam	25,10%	25,10%	Lọc hóa dầu
Công ty Cổ phần Metroco Sông Hồng	Việt Nam	17,96%	20,00%	Đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Việt Nam	38,90%	40,00%	Thủy điện
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	Việt Nam	20,00%	20,00%	Ngân hàng
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim	Việt Nam	29,00%	29,00%	Thương mại
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Việt Nam	26,50%	44,45%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	27,65%	46,00%	Bất động sản
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo hiểm Dầu khí	Việt Nam	13,15%	22,22%	Dịch vụ bảo hiểm
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí	Việt Nam	29,00%	39,00%	Kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí	Việt Nam	12,57%	30,50%	Bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	Việt Nam	35,00%	35,00%	Đầu tư tài chính
Công ty Cổ phần năng lượng Vinabenny	Việt Nam	16,76%	20,83%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp	Việt Nam	42,67%	48,12%	Phân phối khí

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty	Địa điểm	Tỷ lệ cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bảo hiểm Dầu khí	Việt Nam	26,69%	45,81%	Đầu tư tài chính
Công ty TNHH Vietubes	Việt Nam	12,35%	29,98%	Dịch vụ
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	Việt Nam	21,59%	22,00%	Kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao Nguyên	Việt Nam	8,58%	30,00%	Thương mại, dịch vụ, trồng rừng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC	Việt Nam	8,24%	20,00%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng	Việt Nam	33,10%	33,07%	Thủy điện
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Dầu khí	Việt Nam	29,00%	29,00%	Xây dựng khu đô thị, dân cư
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị	Việt Nam	35,51%	35,51%	Phân phối khí
Công ty Cổ phần Vận tải Mekong	Việt Nam	20,21%	33,30%	Vận tải
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Việt Nam	18,13%	44,00%	Thiết kế
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3	Việt Nam	20,00%	20,00%	Thủy điện
Công ty TNHH phụ tùng xe máy - ô tô Machino	Việt Nam	4,45%	29,00%	Sản xuất phụ tùng
Công ty TNHH Fairfield Việt Nam	Việt Nam	25,00%	25,00%	Xử lý địa chấn
Công ty Cổ phần Thiết kế Worley Parsons Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	34,79%	42,50%	Thiết kế
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí	Việt Nam	36,45%	48,22%	Đầu tư tài chính
Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định	Việt Nam	31,54%	31,54%	Thương mại
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	Việt Nam	44,83%	44,83%	Thương mại
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	10,25%	40,00%	Sản xuất sơn công nghiệp
Công ty Cổ phần Bê tông Dự ứng lực PVC-FECON	Việt Nam	11,95%	35,00%	Sản xuất bê tông
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Việt Nam	7,74%	23,45%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Du lịch Cao su Hàm Rồng	Việt Nam	17,65%	35,00%	Dịch vụ du lịch
Công ty Cổ phần Dầu khí FGAS	Việt Nam	8,81%	25,00%	Phân phối khí
Công ty TNHH Dịch vụ Giáo dục Dầu khí DREAM HOUSE	Việt Nam	17,27%	49,00%	Dịch vụ giáo dục
Công ty Cổ phần Năng lượng Châu Á Thái Bình Dương	Việt Nam	35,00%	35,00%	Năng lượng
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	21,45%	29,63%	Dịch vụ nhân lực
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Vật liệu EIC	Việt Nam	19,04%	29,00%	Cung cấp vật tư xây dựng
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Kiểm tra Không Phá hủy Dầu khí	Việt Nam	19,04%	29,00%	Giải pháp công nghệ
Công ty Cổ phần Khảo sát Kiểm định Công trình Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	19,04%	29,00%	Khảo sát địa chất, kiểm định
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Điện Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	19,04%	29,00%	Tư vấn đầu tư
Công ty Cổ phần Công nghệ Điều khiển và Tự động hóa Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	19,04%	29,00%	Điều khiển, tự động hóa
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Năng lượng Hàng hải EIC	Việt Nam	19,04%	29,00%	Thương mại
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn Phú Yên	Việt Nam	26,18%	39,00%	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quảng Trị	Việt Nam	45,00%	45,00%	Thương mại
Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Dầu khí Sông Hồng	Việt Nam	5,74%	38,89%	Cung cấp vật tư xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Việt Nam	16,15%	39,20%	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Việt Nam	14,82%	35,97%	Thiết kế
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	Việt Nam	21,08%	42,05%	Dịch vụ đầu tư
Công ty TNHH Khách sạn Quốc tế Lào Cai	Việt Nam	12,61%	25,00%	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	20,71%	36,00%	Cơ điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (*)	Việt Nam	33,05%	71,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí Việt Nam (*)	Việt Nam	44,01%	74,39%	Truyền thông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(*) Mặc dù tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải và Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí Việt Nam chiếm trên 50%, tuy nhiên, Tập đoàn chỉ có ảnh hưởng đáng kể do không có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của các Công ty này.

Thông tin chi tiết về các khoản góp vốn liên doanh của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Công ty	Địa điểm	Tỷ lệ vốn góp	Hoạt động chính
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro (**)	Việt Nam	50,00%	Khai thác dầu thô
Công ty Liên doanh RusvietPetro	Nga	49,00%	Khai thác dầu thô
Công ty TNHH Gazpromviet	Nga	49,00%	Khai thác dầu thô
Công ty Liên doanh Petromacareo	Venezuela	40,00%	Khai thác dầu thô
Công ty TNHH Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby)	Malaysia	35,96%	Dịch vụ tàu thuyền
Công ty TNHH kho ngầm xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	34,93%	Đầu tư xây dựng kho ngầm
Công ty TNHH Malaysia Vietnam Offshore Terminal	Malaysia	29,37%	Dịch vụ tàu thuyền
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu sinh học Phương Đông	Việt Nam	29,00%	Sản xuất nhiên liệu sinh học
Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International	Việt Nam	27,32%	Dịch vụ
Công ty TNHH Cấn Ống Khoan Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	27,32%	Dịch vụ ống mềm
Công ty TNHH Liên Doanh - Dịch Vụ BJ-PV Drilling	Việt Nam	26,25%	Dịch vụ
Công ty Liên doanh Du lịch sinh thái và bảo tồn	Việt Nam	24,72%	Dịch vụ du lịch
Công ty TNHH Rỗng Đồi MV12 PTE	Singapore	19,78%	Dịch vụ dầu khí
Công ty Liên doanh Dung dịch khoan M-I Việt Nam	Việt Nam	19,16%	Dung dịch khoan
Công ty Liên doanh PetroTower	Việt Nam	15,56%	Dịch vụ tòa nhà
Công ty Liên doanh Hóa chất LG-VINA	Việt Nam	15,00%	Sản xuất và bán dầu hỏa dẻo DOP
Dự án 27 Thái Thịnh - Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 52	Việt Nam	6,64%	Kinh doanh bất động sản

(**) Ngày 5 tháng 9 năm 2007, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 142/2007/NĐ-CP về việc Ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo quy định này, 50% lợi nhuận nước chủ nhà được chia từ Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro (VSP) được ghi nhận như một khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước và 50% còn lại được để lại đầu tư và ghi tăng vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Do đó, khoản đầu tư vào đơn vị đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc và phần lợi nhuận (lỗ) thuần không được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn.

Trong năm 2010, Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga đã ký Hiệp định về việc tiếp tục hợp tác trong lĩnh vực thăm dò địa chất và khai thác dầu khí tại thềm lục địa Việt Nam trong khuôn khổ Liên doanh Việt-Nga “Vietsovpetro”. Hiệp định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030. Tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong liên doanh sẽ là 51%. Việc phản ánh khoản đầu tư vào công ty liên doanh đồng kiểm soát này trong các năm tiếp theo có thể thay đổi tùy thuộc vào Điều lệ và Quy chế quản lý tài chính sửa đổi của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND
Cho vay dài hạn (*)	23.009.314	15.391.074
Góp vốn vào các đơn vị khác	1.759.520	405.641
Đầu tư cổ phiếu	807.872	777.833
Trái phiếu	408.000	105.726
Tiền gửi dài hạn	245.067	326.049
Đầu tư vào các quỹ, các dự án	146.215	456.987
Ủy thác đầu tư dài hạn	72.685	124.130
Khác	50.806	22.752
	26.499.479	17.610.192

(*) Cho vay dài hạn phản ánh các khoản Tập đoàn cho Công ty Liên doanh Rusvietpetro (Rusvietpetro) (thành lập tại Cộng hòa Liên bang Nga) và các đơn vị ngoài Tập đoàn vay. Khoản cho Rusvietpetro vay có thời hạn 5 năm, trong đó 1,5 năm ân hạn, lãi suất bằng với lãi suất SIBOR năm và giá trị gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 399 triệu USD (2009: 139 triệu USD). Các khoản cho vay dài hạn khác chủ yếu phản ánh các khoản Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) cho các tổ chức kinh tế trong nước vay, với kỳ hạn trên 1 năm.

16 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND
Chi phí thăm dò, phát triển của các mỏ dầu khí đang khai thác	32.348.216	25.310.990
Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp	3.496.998	494.007
Lỗ chênh lệch tỷ giá giai đoạn xây dựng cơ bản	2.822.896	-
Phí khoản vay tín dụng	689.025	-
Chi phí thuê đất, thuê mặt bằng, văn phòng	540.863	166.530
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng chờ phân bổ	420.625	216.974
Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ	384.906	353.942
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	281.215	250.704
Chi phí trả trước dài hạn khác	575.324	104.428
	41.560.068	26.897.575

17 CHI PHÍ TÌM KIẾM, THĂM DÒ DẦU KHÍ

	31/12/2010 Triệu VND	31/12/2009 Triệu VND
Chi phí thăm dò trong nước	10.246.211	6.493.232
Chi phí thăm dò nước ngoài	6.930.289	6.151.661
Chi để án, để tài (*)	619.458	619.418
	17.795.958	13.264.311

(*) Chi để án, để tài chủ yếu phản ánh các khoản chi phí quản lý và chi thực hiện để tài, nhiệm vụ tìm kiếm thăm dò và đánh giá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

tiềm năng dầu khí phát sinh tại Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên - Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí chưa được phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền để ghi giảm. Tại ngày phát hành báo cáo, Tập đoàn đang thực hiện các thủ tục cần thiết nhằm quyết toán để ghi giảm những chi phí này.

18 CHI PHÍ PHÁT TRIỂN MỎ

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VND	Triệu VND
Các hợp đồng trong nước	6.257.234	3.157.784
Các hợp đồng tại nước ngoài	1.429.087	281.053
	7.686.321	3.438.837

19 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VND	Triệu VND
Vay ngắn hạn	41.678.975	28.591.675
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem Thuyết minh số 23)	8.828.552	4.132.012
	50.507.527	32.723.687

Vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay theo hạn mức bằng EUR, USD và VND từ các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác.

20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VND	Triệu VND
Lãi nước chủ nhà (*)	11.946.895	8.265.331
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.476.696	4.042.897
Các khoản thu điều tiết (**)	1.085.430	-
Thuế tài nguyên	911.422	1.029.797
Thuế khác	2.399.240	1.573.948
	21.819.683	14.911.973

(*) Lãi nước chủ nhà phản ánh tiền lãi nước chủ nhà được chia từ Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro và từ các hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí và liên doanh điều hành chung (PSC, JOC).

(**) Các khoản thu điều tiết nộp Ngân sách được xác định theo Quyết định số 1942/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 25 tháng 11 năm 2009 quy định về thu điều tiết đối với sản phẩm lọc hóa dầu tiêu thụ trong nước của Tập đoàn. Theo đó, toàn bộ sản phẩm lọc dầu (xăng, dầu, LPG) và sản phẩm hóa dầu do Tập đoàn sản xuất, chế biến khi tiêu thụ trong nước sẽ phải nộp khoản thu điều tiết vào ngân sách nhà nước. Số thu điều tiết được xác định theo sản lượng tiêu thụ thực tế nhân (x) với giá tính thu điều tiết và nhân (x) với tỷ lệ thu điều tiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí phải trả các hợp đồng dầu khí (*)	4.691.085	2.890.735
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và xây lắp	3.292.994	1.132.279
Chi phí lãi vay	1.349.802	558.908
Dự phòng chi phí thu dọn mỏ của mỏ Đại Hùng	1.044.782	981.381
Chi phí phải trả thuế nhà thầu và thuế thu nhập dầu khí	72.857	80.180
Chi phí phải trả khác	788.133	390.730
	11.239.653	6.034.213

(*) Chi phí phải trả các hợp đồng dầu khí phản ánh các khoản chi phí phải trả liên quan đến hoạt động thăm dò, phát triển và khai thác dầu khí của các nhà điều hành của các lô dầu khí mà Tập đoàn tham gia góp vốn thực hiện.

22 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VND	Triệu VND
Vốn nhận ủy thác, đầu tư	3.454.659	5.346.361
Giữ hộ quỹ thu dọn mỏ của các nhà thầu dầu khí	2.195.914	1.353.173
Phải trả về hợp đồng hợp tác đầu tư	840.000	1.600.000
Phải trả thanh toán giao dịch chứng khoán với nhà đầu tư	788.368	15.174
Thuế nộp hộ nhà thầu dầu khí	770.493	757.991
Nhận bàn giao từ Vinashin (Xem Thuyết minh số 12)	667.522	-
Phải trả về các công trình xây dựng đã hoàn thành	488.277	563.227
Phải trả Ban quản lý dự án xây dựng tòa nhà Dragon	354.612	131.787
Phải trả các khoản bồi thường	328.756	194.085
Phải trả cổ tức, lãi liên doanh	316.229	39.010
Phải trả về chuyển quyền sử dụng đất, tài sản	296.955	339.701
Vốn phải ứng trong các hợp đồng dầu khí	209.538	124.769
Phải trả tiền lương, thưởng	97.046	84.116
Phải trả Ngân hàng Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	92.697	-
Phải trả hàng vay mượn	74.402	469.548
Phải trả về chuyển nhượng cổ phần	62.236	147.353
Phải trả các ngân hàng lãi vay	61.565	65.270
Phải trả tiền bảo lãnh dự thầu	12.278	105.159
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.450.847	984.242
	12.562.394	12.320.966

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VND	Triệu VND
Đô la Mỹ	64.052.814	53.708.076
Đồng Việt Nam	6.356.524	5.067.663
Euro	4.101.603	-
Yên Nhật	1.420.932	1.448.923
	75.931.873	60.224.662

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay bằng USD, VND, EUR và JPY từ các ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Các khoản vay này được Tập đoàn vay dưới hình thức tín chấp, hoặc được Bộ Tài chính nước Cộng hòa XHCN Việt Nam bảo lãnh, hoặc được bảo đảm bằng tài sản cố định.

Tỷ lệ lãi suất hàng năm như sau:

	2010	2009
Đô la Mỹ	1,85 - 7,7%	1,85 - 5,9%
Đồng Việt Nam	6,9 - 18,6 %	6,0 - 13,47%
Euro	5,33 - 5,5%	
Yên Nhật	5,01 - 5,1%	5,01 - 5,1%

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VND	Triệu VND
Trong vòng một năm	8.828.552	4.132.012
Trong năm thứ hai	10.483.707	6.343.942
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	29.646.337	24.947.802
Sau năm năm	29.598.637	23.641.359
	78.557.233	59.065.115
Trừ: số phải trả trong vòng một năm (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(8.828.552)	(4.132.012)
Số phải trả sau 12 tháng	69.728.681	54.933.103
Trái phiếu phát hành (*)	6.203.192	5.291.559
	75.931.873	60.224.662

(*) Tập đoàn mà đại diện là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (“Tổng Công ty”) đã phát hành trái phiếu Tài chính Dầu khí qua các lần như sau:

Trong năm 2007, Tổng Công ty đã phát hành 1.500 tỷ đồng trái phiếu với thời hạn 5 năm với lãi suất cố định là 8,6%/năm.

Trong năm 2008, Tổng Công ty đã phát hành 466,1 tỷ đồng và 55 triệu USD trái phiếu với thời hạn 3 năm với lãi suất năm đầu lần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

lượt là VND: 17,5%/năm; USD: 6,2%/năm. Lãi suất từ năm thứ 2 được xác định bằng bình quân lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng lãi trả cuối kỳ (VND hoặc USD tương ứng) của 4 ngân hàng (VCB, BIDV, Vietinbank, Agribank) cộng (+) 0,3%/năm.

Trong năm 2009, Tổng Công ty đã phát hành 811,5 tỷ đồng và 89 triệu USD trái phiếu có thời hạn 3 năm. Lãi suất trái phiếu được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng (+) 2,75%/năm đối với trái phiếu bằng VND và cộng (+) 0,5%/năm với trái phiếu bằng USD. Lãi suất năm đầu tiên cố định, từ 9,9%/năm đến 10,4%/năm đối với trái phiếu bằng VND và 4,5% với trái phiếu bằng USD.

Trong năm 2010, Tổng Công ty đã phát hành 1.000 tỷ đồng trái phiếu có kỳ hạn 2 năm cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với lãi suất cố định 12,5%/năm cho năm đầu tiên.

24 NGUỒN VỐN

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu Triệu VND	Các quỹ Triệu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2010	118.123.967	49.172.236	17.931.893	185.228.096
Ngân sách nhà nước cấp vốn	-	7.055.387	-	7.055.387
Lợi nhuận sau thuế	-	-	26.912.126	26.912.126
Thu từ cổ phần hóa	-	2.326.481	-	2.326.481
Phân phối các quỹ	-	39.292.602	(39.292.602)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.004.093)	(1.004.093)
Chi quỹ	-	(330.820)	-	(330.820)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	10.298.000	-	10.298.000
Chênh lệch tỷ giá	-	2.310.432	-	2.310.432
Nhận PETEC và Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	519.101	650.725	(1.181.860)	(12.034)
Phân loại nguồn vốn	58.992.918	(58.748.589)	(244.329)	-
Khác	(7.602)	(428.763)	18.634	(417.732)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	177.628.384	51.597.690	3.139.768	232.365.842

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2010	2009
	Triệu VND	Triệu VND
Thương mại và phân phối	109.912.896	40.314.635
Thu gom, chế biến khí	33.454.596	28.268.224
Khai thác dầu thô, khí và condensate	31.666.472	27.807.469
Sản xuất điện	14.785.319	8.411.919
Dịch vụ xây lắp, cơ khí	12.540.152	6.558.747
Sản phẩm chế biến xăng, dầu	6.922.557	4.067.719
Sản xuất phân đạm	6.202.891	6.586.262
Dịch vụ khoan	4.691.826	1.972.387
Dịch vụ tài chính	4.506.731	3.330.340
Dịch vụ tàu cảng	4.165.769	5.542.234
Khai thác khí, condensate	1.175.436	841.483
Khác	4.805.896	2.810.016
	234.830.541	136.511.435

Doanh thu thuần của từng hoạt động kinh doanh được trình bày trên cơ sở tổng doanh thu trừ đi doanh thu bán cho các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn và các khoản giảm trừ doanh thu.

26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010	2009
	Triệu VND	Triệu VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.032.175	3.565.737
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.209.923	2.024.943
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.939.586	1.624.691
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.147.828	920.279
	13.329.512	8.135.650

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2010	2009
	Triệu VND	Triệu VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.214.077	2.776.999
Chi phí lãi vay	2.495.240	989.661
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	408.178	349.315
Dự phòng tổn thất đầu tư	268.206	(1.024.354)
Chi phí tài chính khác	263.833	185.236
	8.649.534	3.276.857

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28 LỢI NHUẬN KHÁC

	2010	2009
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền được bồi thường	258.265	147.211
Thu nhập từ bán Chứng nhận giảm phát thải	245.843	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản, vật tư, hàng hóa	160.764	65.164
Đánh giá lại tài sản	137.145	-
Khác	225.009	267.187
	1.027.026	479.562

29 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010	2009
	Triệu VND	Triệu VND
Thuế từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí	10.496.469	7.855.285
Thuế từ hoạt động kinh doanh khác	4.231.469	2.732.975
	14.727.938	10.588.260

Thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến hoạt động khai thác dầu thô và khí của các hợp đồng phân chia sản phẩm được xác định theo điều khoản quy định trong hợp đồng và tỷ lệ thuế suất ấn định trên từng lô dầu, khí theo quy định của Bộ Tài chính.

30 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

	Thăm dò và khai thác dầu khí	Hoạt động khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2009	3.418.139	67.641	3.485.780
Phát sinh trong năm	1.831.663	29.340	1.861.003
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	5.249.802	96.981	5.346.783
Phát sinh trong năm	347.261	92.970	440.231
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	5.597.063	189.951	5.787.014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

	Hoạt động khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2009	127.750	127.750
Phát sinh trong năm		(53.747)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	74.003	74.003
Phát sinh trong năm	241.199	241.199
Điều chỉnh theo quyết định cổ phần hóa		(57.188)
Khác		(1.048)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	256.966	256.966

Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:

	2010	2009
	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(241.199)	53.747
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	440.231	1.861.003
	199.032	1.914.750

31 CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VND	Triệu VND
Trong vòng 1 năm	1.983.941	927.153
Từ 2 năm đến 5 năm	3.775.511	998.880
Sau 5 năm	776.481	363.118
	6.535.933	2.289.151

Cam kết mua hàng

Tập đoàn cam kết mua khí từ các chủ lò 06.1, 11.2, PM3 CAA và 46 Cái Nước trong vòng xấp xỉ 20 năm với mức bao tiêu và thanh toán cho các chủ khí một lượng khí tối thiểu (đã xác định trong hợp đồng mua bán khí - GSPA) hàng năm là khoảng 6,922 tỷ m3 khí.

Cam kết bán hàng

Tập đoàn cam kết bán một lượng cố định hàng năm 1,85 tỷ m3 khí Nam Côn Sơn cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho đến hết giai đoạn bình ổn theo hợp đồng GSA.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tập đoàn cam kết bán khí Nam Côn Sơn cho Nhà máy điện Phú Mỹ 3 BOT (PM3) và Công ty Mekong Energy (PM 2.2). Các công ty này sẽ nhận bao tiêu một lượng khí cố định hàng năm là 1,7 tỷ m3 khí cho đến năm 2023.

Tập đoàn cam kết bán một lượng cố định hàng năm 1,5 tỷ m3 khí PM3 CAA và lò 46 Cái Nước cho Công ty Điện lực Cà Mau cho đến năm 2023.

Cam kết vốn

Tập đoàn có các khoản cam kết đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm thiết bị trong năm 2011 với số tiền khoảng 62.437 tỷ VND, 252 triệu USD và 76 triệu EUR.

Tập đoàn có một số khoản cam kết góp vốn vào các dự án tìm kiếm thăm dò dầu khí tại Việt Nam và nước ngoài trong năm 2011 với tổng giá trị khoảng 46.419 tỷ VND.

32 CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn có các khoản công nợ tiềm tàng và nghĩa vụ cam kết với ngân hàng và các bên được bảo lãnh khác phát sinh trong quá trình kinh doanh thông thường. Các khoản công nợ tiềm tàng trên không được đánh giá là trọng yếu. Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh cho một số khoản vay dài hạn của các đơn vị thành viên với số dư gốc vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 10.508 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2009 : 6.161 tỷ VND).

Theo Luật Dầu khí Việt Nam, các tổ chức tiến hành hoạt động dầu khí tại Việt Nam có nghĩa vụ thu dọn các công trình khai thác dầu khí và khôi phục môi trường ban đầu khi kết thúc hoạt động thăm dò khai thác. Quỹ thu dọn mỏ hàng năm được trích lập trong vòng 1 năm kể từ khi khai thác dòng dầu khí đầu tiên. Mức trích lập được xác định trên cơ sở sản lượng khai thác trong năm, trừ lượng có thể thu hồi và tổng chi phí thu dọn mỏ còn phải trích lập. Trong thời hạn 1 năm trước khi kết thúc hợp đồng, các tổ chức tiến hành hoạt động dầu khí phải đảm bảo quỹ thu dọn mỏ đủ trang trải các chi phí cần thiết cho công việc thu dọn mỏ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, chi phí dự phòng thu dọn các công trình thăm dò và khai thác của một số mỏ dầu khí chưa được trích lập theo quy định của Luật Dầu khí Việt Nam. Tại ngày phát hành báo cáo, chi phí cần thiết để thực hiện nghĩa vụ thu dọn một số mỏ dầu khí nói trên chưa được xác định. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng khoản chi phí dự phòng phải ghi nhận không ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

33 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 29 tháng 1 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 190/QĐ-TTg phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo đó, Tập đoàn tiếp tục được Nhà nước giao quyền thăm dò, khai thác tài nguyên dầu khí trên toàn bộ lãnh thổ, vùng biển, vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam và ký kết hợp đồng dầu khí với các tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động dầu khí ở Việt Nam theo quy định của Luật Dầu khí và các quy định khác của pháp luật. Tập đoàn có nghĩa vụ khai thác hợp lý và có hiệu quả nguồn tài nguyên dầu khí, bảo vệ tài nguyên môi trường và thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến khai thác nguồn tài nguyên quốc gia theo quy định của pháp luật.

Ngày 22 tháng 4 năm 2011, Tập đoàn ký các hợp đồng vay vốn tín dụng xuất khẩu và thương mại với tổ hợp 5 ngân hàng quốc tế do Ngân hàng HSBC làm đầu mối thu xếp vốn gồm : China Development Bank Corporation (CDB), The Hongkong and Shanghai Banking Corporation Limited (HSBC), The Bank of Tokyo-Misubishi UFJ Limited (BTMU), Credit Suisse AG (Credit Swiss) và Intesa SanPaolo S.p.A, Singapore Branch (Intesa) để tài trợ các gói thầu tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Các khoản vay có tổng giá trị là hơn 904 triệu USD, thời hạn vay là từ 10 đến 15 năm, trong đó 3 năm ân hạn, được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính Việt Nam. Các khoản vay tín dụng xuất khẩu được bảo hiểm bởi hai cơ quan tín dụng xuất khẩu của Đức là Euler Hermes Kreditversicherungs AG (Hermes) và của Trung Quốc là China Export and Credit Insurance Corporation (Sinosure).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 được trình bày tại báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, 2008 và 2007 được phát hành lại và được Hội đồng Thành viên phê duyệt ngày 17 tháng 9 năm 2010. Ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố như sau:

	31/12/2009	Điều chỉnh hồi tố	31/12/2009
	Trước điều chỉnh		Sau điều chỉnh
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Lợi thế thương mại	1.791.662	(658.540)	1.133.122
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	96.981	5.249.802	5.346.783
Vốn khác của chủ sở hữu	16.968	1.736.040	1.753.008
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.108.524	(5.176.631)	17.931.893
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.326.154	(73.171)	4.252.983
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	83.086	1.831.663	1.914.749

Sau khi phát hành báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn năm 2009, Ban Tổng Giám đốc đã xác định được giá trị thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan tới chi phí thăm dò và khai thác mỏ dầu khí đang khai thác thương mại chưa được ghi nhận trên báo cáo tài chính đã phát hành. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của chi phí thăm dò và phát triển mỏ và chi phí còn thu hồi cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đã phát hành trước đây đã được điều chỉnh cho phù hợp với quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng xác định và loại trừ phần thặng dư vốn cổ phần của Tập đoàn từ các công ty con phản ánh trên khoản mục thặng dư vốn cổ phần và và lợi thế thương mại trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.



Phùng Đình Thục
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2011



Ninh Văn Quỳnh
Kế toán trưởng
Trưởng ban Tài chính, Kế toán và Kiểm toán



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 18 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội

Tel : (+84-4) 3 825 2526

Fax : (+84-4) 3 826 5942

Website : <http://www.pvn.vn>